

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VŨ THỊ NGỌC TUYẾT

ĐỘNG CƠ HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 603180

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS LÊ KHANH

Hà Nội-2011

LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là Vũ Thị Ngọc Tuyết, sinh ngày 12/07/1986. Tôi xin cam đoan bài Luận văn tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Lê Khanh. Luận văn này chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước khi trình bày, bảo vệ và công nhận bởi “Hội đồng đánh giá Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ Tâm lý học”.

Một lần nữa, tôi xin khẳng định về sự trung thực của lời cam đoan trên.

Tác giả

Vũ Thị Ngọc Tuyết

Lời cảm ơn

Để hoàn thành chương trình Cao học và Luận văn này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý nhiệt tình của Quý thầy cô trong trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý thầy cô trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đặc biệt là các thầy cô đã tận tình chỉ dạy tôi trong suốt thời gian học tập tại trường.

Tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến PGS. TS Lê Khanh- người thầy đã dành nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành Luận văn tốt nghiệp.

Đồng thời, tôi cũng xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Ban chấp hành Hội sinh viên, Đoàn thanh niên và các bạn sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi điều tra khảo sát để có dữ liệu viết luận văn.

Mặc dù tôi đã có nhiều cố gắng hoàn thiện Luận văn nhưng không thể tránh khỏi những sai sót. Tôi rất mong nhận được đóng góp của Quý thầy cô và các bạn.

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2011

Học viên

Vũ Thị Ngọc Tuyết

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Đối tượng nghiên cứu	2
4. Khách thể nghiên cứu	2
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	2
6. Giả thuyết nghiên cứu	3
7. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
8. Phương pháp nghiên cứu	3
Chương 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	4
1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ	4
<i>1.1.1 Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ ở nước ngoài</i>	4
<i>1.1.2 Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ ở trong nước.</i>	9
1.2 Một số vấn đề lí luận về động cơ và động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên	12
<i>1.2.1 Một số vấn đề lí luận về động cơ hoạt động trong tâm lý học</i>	12
<i>1.2.2 Một số vấn đề lí luận về động cơ hiến máu nhân đạo của</i>	24
1.3 Một số yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên ..	31
1.3.1 Yếu tố chủ quan	31
1.3.2 Yếu tố khách quan	33
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	36
2.1 Tổ chức nghiên cứu	37
<i>2.1.1 Tổ chức nghiên cứu lý luận</i>	37
<i>2.1.2 Khách thể nghiên cứu.</i>	37
2.2 Phương pháp nghiên cứu	38

2.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận	38
2.2.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn	38
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN	44
3.1 Động cơ hiến máu nhân đạo chủ yếu của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội	44
3.2 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội	47
3.2.1 Động cơ hiến máu nhân đạo thể hiện ở mặt nhận thức	47
3.2.2 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên thể hiện ở mặt xúc cảm	54
3.2.3 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên thể hiện ở mặt hành vi.....	58
3.2.4 Sự tác động qua lại giữa các mặt biểu hiện của động cơ	66
3.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường ĐH Lao động Xã hội Hà Nội	67
3.4 Mô tả chân dung tâm lý	74
3.4.1 Mô tả chân dung sinh viên V.V.H	74
3.4.2 Mô tả chân dung sinh viên N.A.T.....	77
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
PHỤ LỤC	85

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên	44
Bảng 3.2: Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc hiến máu nhân đạo	50
Bảng 3.3: Động cơ hiến máu nhân đạo thể hiện ở mặt cảm xúc.....	55
Bảng 3.4: Động cơ hiến máu nhân đạo biểu hiện ở mặt hành vi	59
Bảng 3.5: Số lần hiến máu nhân đạo của sinh viên	64
Bảng 3.6: Hệ số tương quan Pearson	66
Bảng 3.7: Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội.....	68

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên	45
Biểu đồ 3.2: Tâm quan trọng của hành động HMNĐ.....	48
Biểu đồ 3.3: Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc hiến máu nhân đạo	52
Biểu đồ 3.4: Động cơ hiến máu nhân đạo biểu hiện ở mặt hành vi	60
Biểu đồ 3.5: Số lần hiến máu nhân đạo của sinh viên	64

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Máu là tài sản vô giá, đảm bảo con người tồn tại và phát triển. Hàng năm số lượng người bị tai nạn giao thông, cấp cứu, các bệnh nhân mắc bệnh về máu ngày càng tăng lên nhưng lượng máu thu được không đủ để đáp ứng nhu cầu. Theo ước tính của tổ chức y tế thế giới (WHO), mỗi năm Việt Nam cần khoảng 16.000.000 đơn vị máu, song đến nay lượng máu thu được mới chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu. Do đó vấn đề hiến máu nhân đạo (HMNĐ) ngày càng trở nên cấp thiết, thu hút sự quan tâm và tuyên truyền của toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh Niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam đã nêu quyết tâm phát động, làm hình thành và phát triển mạnh mẽ các phong trào sinh viên tình nguyện. Phong trào sinh viên tình nguyện đã thực sự có được những chuyển biến tích cực, khơi dậy và phát huy được tối đa sức mạnh, khát vọng của tuổi trẻ, khẳng định được sức sống mãnh liệt của nó trong những điều kiện mới. HMNĐ là một trong những phong trào thu hút được sự quan tâm của đông đảo sinh viên trong cả nước.

HMNĐ là một trong những nghĩa cử cao đẹp, là việc làm thể hiện tính nhân văn cao cả. Lượng máu được hiến sẽ mang đến niềm tin, hy vọng cho sự sống của con người. Tại Việt Nam hiện nay, phần lớn lượng máu được cung cấp từ những người HMNĐ, trong đó đa phần là sinh viên (chiếm khoảng 90%). Năm 2010, hàng trăm nghìn sinh viên đã tham gia HMNĐ, lượng máu thu được là 107.367 đơn vị máu, góp phần không nhỏ cứu sống hàng nghìn người bệnh. Tuy nhiên hiện nay, số lượng sinh viên tham gia HMNĐ vẫn còn hạn chế. Hơn nữa, hành vi HMNĐ của họ chủ yếu được thúc đẩy bởi động cơ nào vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và bài bản.

Với những lí do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội (ĐHLĐXHHN)” với mong muốn tìm ra động cơ chủ yếu của sinh viên khi tham gia HMNĐ, qua đó đề xuất các kiến nghị nhằm giáo dục, bồi dưỡng những động cơ tốt đẹp khi HMNĐ của sinh viên, đồng thời trên cơ sở đó đưa ra những khuyến nghị góp phần đẩy mạnh phong trào HMNĐ ở sinh viên

2. Mục đích nghiên cứu

Chỉ ra động cơ chủ yếu (được nhiều sinh viên lựa chọn nhất) và thực trạng động cơ này ở những sinh viên có hành động HMNĐ. Trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển động cơ đúng đắn phù hợp với ý nghĩa của động cơ HMNĐ của sinh viên trong thời gian tới, từ đó thúc đẩy phong trào HMNĐ của sinh viên.

3. Đối tượng nghiên cứu

Chỉ ra động cơ chủ yếu thúc đẩy sinh viên HMNĐ và thực trạng hiện nay của động cơ này ở sinh viên có hành vi HMNĐ.

4. Khách thể nghiên cứu.

- 300 sinh viên đã HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN, bao gồm:
 - + Giới tính: 130 nam sinh viên và 170 nữ sinh viên
 - + Khối lớp: 100 sinh viên năm thứ nhất, 100 sinh viên năm thứ hai, 100 sinh viên năm thứ ba
- 03 cán bộ Đoàn, Hội trực tiếp lãnh đạo phong trào HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN
- 10 sinh viên là thành viên Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ trường ĐHLĐXHHN

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.

- Chỉ ra động cơ chủ yếu thúc đẩy hành động HMNĐ của sinh viên
- Địa bàn nghiên cứu: trường ĐHLĐXHHN

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2011

6. Giả thuyết nghiên cứu

Chúng tôi cho rằng: Động cơ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng là động cơ chủ yếu của sinh viên hiến máu nhân đạo. Tuy vậy, tỷ lệ số người lựa chọn động cơ chủ yếu này cũng chưa cao. Có nhiều lí do dẫn tới thực trạng đó, song chúng tôi cho rằng những bất cập trong công tác giáo dục nói chung của gia đình, nhà trường và xã hội hiện nay là lý do chính.

7. Nhiệm vụ nghiên cứu

7.1 Nghiên cứu lý luận về động cơ nói chung, động cơ HMNĐ nói riêng và những yếu tố ảnh hưởng đến động cơ HMNĐ của sinh viên nhằm xây dựng cơ sở lý luận của luận văn.

7.2 Điều tra thực tiễn để chỉ ra động cơ chủ yếu của sinh viên hiến máu nhân đạo và thực trạng động cơ này ở những sinh viên có hành động HMNĐ

7.3 Đề xuất các kiến nghị nhằm phát triển động cơ HMNĐ, góp phần thúc đẩy phong trào HMNĐ trong sinh viên phát triển mạnh hơn .

8. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp mô tả chân dung tâm lý
- Phương pháp thảo luận nhóm có điều khiển
- Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Chương 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ

1.1.1 Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ ở nước ngoài

Động cơ là một hiện tượng tâm lý phức tạp, có vị trí rất quan trọng trong cấu trúc nhân cách của con người.

S. Freud (1856- 1939) bác sĩ tâm thần người Áo, đại diện tiêu biểu của trường phái Phân tâm học đã tuyệt đối hoá vai trò của yếu tố bản năng, coi đó là động cơ cơ bản của hành vi con người. S. Freud đã khẳng định “libido” là căn nguyên cội nguồn của mọi hành vi con người, ông khẳng định yếu tố bản năng, mà trước hết bản năng tính dục là cội nguồn căn bản nhất thúc đẩy mọi hoạt động của con người. Ông cũng cho rằng: Trong đời sống tâm lý con người, không phải hành vi ý thức là chủ yếu và cơ bản nhất mà hành vi vô thức mới chiếm vị trí trung tâm và có vai trò quyết định đến đời sống tâm lý con người. Ông đã dùng hình ảnh tảng băng trôi để ví hai tầng bậc ý thức và vô thức của đời sống tâm lý con người, phần nổi trên mặt nước (có thể nhìn thấy chiếm phần rất nhỏ của toàn bộ tảng băng) là phần ý thức, phần chìm trong nước là phần lớn nhất quy định trọng tâm, phương hướng chuyển động của toàn bộ tảng băng trôi được ông ví là tầng vô thức [12, tr. 60-88].

Trong khi đó, A.Adler (đại diện cho trường phái phân tâm mới) lại cho rằng yếu tố cơ bản thúc đẩy hành vi của con người, không phải là yếu tố bản năng tính dục như quan niệm của trường phái Phân tâm học cổ điển mà là yếu tố quyền lực. Nếu Phân tâm học cổ điển miêu tả con người như nạn nhân của bản năng, buộc phải chịu đựng những điều bất hạnh của sức mạnh sinh học và những trải nghiệm thời thơ ấu như một định mệnh, thì A.Adler coi cá nhân trước hết là một thực thể xã hội có ý thức chứ không phải vô thức, ý thức nằm ở cốt lõi của nhân cách, mỗi chúng ta tự tham gia tạo dựng nên chính bản thân chúng ta và định hướng cho tương lai một cách tích cực.

Theo A.Adler động lực cơ bản của hành vi con người là ý chí quyền lực, ý chí hùng mạnh, nhưng đối với ông, ý chí quyền lực lại được coi như một năng lực bẩm sinh, một sức mạnh bản năng, nên quan niệm này về động lực hành vi con người không khác gì mấy so với quan niệm của Freud [12, tr. 88-89]. .

Bên cạnh những quan điểm nêu trên, còn có những quan niệm khác nhau của Karen Honey, Erich Fromm về động cơ thúc đẩy hành vi con người, những quan điểm này đã chú ý tới sự ảnh hưởng xã hội đối với hành vi của con người, nhưng trong cách giải thích của họ, yếu tố bản năng vẫn được coi là yếu tố giữ vai trò chính đối với sự thúc đẩy hành vi của con người.

Tóm lại, Phân tâm học đã xem xét vấn đề động cơ dưới góc độ sinh học thuần túy mà chưa chú ý đầy đủ tới bản chất xã hội của nó, họ đặc biệt chú ý tới bản năng, nhất là bản năng tính dục là yếu tố cơ bản nhất thúc đẩy hành vi con người. Do đó, họ đã dành vai trò quyết định đời sống tâm lý con người cho vô thức, nên toàn bộ hệ thống động cơ của con người đều có bản chất là bản năng vô thức.

A. Bandura là đại diện tiêu biểu của trường phái Tâm lý học Hành vi mới. Ông không chỉ quan tâm tới những kích thích bên ngoài đang trực tiếp tác động vào con người mà còn đề cập đến yếu tố nhận thức của con người, phân tích những kích thích đó trước khi đưa ra một hành động đáp lại chúng một cách hợp lý. Ông còn cho rằng, những ý nghĩ về cái có thể có trong tương lai cũng có thể thúc đẩy con người hành động. Do đó trước khi hành động, nhận thức của mình giúp con người đặt ra được cho mình những mục tiêu để vươn tới. Mỗi khi hành động của mình đạt được mục tiêu đề ra hay thất bại trong khi thực hiện mục tiêu đó, con người thường thưởng hoặc phạt chính mình, nó trở thành phương pháp điều chỉnh hành vi của chính chúng ta. Bên cạnh đó tác giả còn cho rằng: Hành vi của chính chúng ta trong quá khứ có thể

trở thành điểm tham chiếu trong việc đánh giá hành vi hiện tại, đồng thời là động cơ thực hiện tốt những hoạt động trong tương lai. Ở đây tác giả đề cập đến tính hiệu quả của hành động, chính là phụ thuộc vào niềm tin cá nhân, vào bản thân mình có thể đạt được hay không đạt được mục tiêu đề ra, do đó đã hình thành ý thức về tính hiệu quả hoạt động của bản thân, ý thức đã tham gia vào sự lựa chọn hành vi và mức độ khó khăn trong khi thực hiện hành vi trong những tình huống nhất định [12, tr. 108-112].

Còn Gordon Allport- một đại diện nổi tiếng của trường phái Tâm lý học Nhân văn thì cho rằng, động cơ là vấn đề trung tâm của bất kì lý thuyết nhân cách nào. Theo Allport chỉ cái mà chúng ta muốn có trong tương lai và cái mà chúng ta nỗ lực muốn có ngay lúc này mới là những cái có ý nghĩa thúc đẩy (động cơ) hành vi của chúng ta, cái thuộc về quá khứ không có chức năng thúc đẩy động cơ. Vậy động cơ thúc đẩy người lớn hoạt động không thể được hiểu thông qua phân tích những gì đã diễn ra thời thơ ấu, mà phải điều tra xem tại sao người đó đang cư xử như họ đang làm tại thời điểm hiện tại. Có nghĩa là động cơ của người lớn không có liên hệ về chức năng với những kinh nghiệm trước kia. Từ đó ông đưa ra quan niệm về tính tự trị của động cơ và cho đó là cơ chế làm nảy sinh động cơ mới [12, tr. 120-136].

Cùng với trường phái đó, Carl Roger thì đề cập tới khái niệm “khuynh hướng hiện thực hoá” là những gì được lập trình sẵn trong cấu trúc di truyền của mỗi người được hiểu là động cơ bản năng là những gì đã được tiền định từ trước bây giờ chỉ cần hiện thực hoá cái có sẵn đó ra ngoài, vậy động cơ bản năng của con người chỉ cần hiện thực hoá, duy trì củng cố cái tôi, con người bị thúc đẩy bởi một khuynh hướng bẩm sinh nhằm hiện thực hoá, bảo toàn và cải biến cái tôi. Khuynh hướng hiện thực hoá bắt đầu từ trong trứng nước, bao gồm toàn bộ những nhu cầu về tâm- sinh lý, làm cho sự trưởng thành của con người được thuận lợi bằng cách cung cấp sự phân biệt các bộ phận của cơ thể

và sự phát triển các chức năng tâm- sinh lý (sự phát triển đã được xác định về mặt di truyền, đã được lập trình trong cấu tạo di truyền của chúng ta). Theo Rogers, mặc dù những biến đổi như thế đã được quyết định về mặt di truyền song, quá trình tiến tới sự phát triển đầy đủ của con người vẫn không mang tính tự động, mà còn tùy thuộc vào sự tương tác của chủ thể với môi trường trên cơ sở nhận thức của nó về môi trường.

Các tác giả trên đều coi động cơ con người là vấn đề trung tâm, tuy nhiên giữa các tác giả lại có quan điểm rất khác nhau khi bàn về nội hàm của khái niệm động cơ. Quan điểm thứ nhất lý giải bản chất động cơ con người theo hướng sinh vật hoá. Những người theo quan điểm này cho rằng, bản năng sẵn có từ khi con người mới sinh là động lực thúc đẩy (động cơ) mọi hoạt động của con người. Do đó theo họ, về bản chất động cơ của con người mang tính vô thức (S.Freud, A.Adler,...). Quan điểm thứ hai, một mặt thừa nhận nhu cầu và động cơ của con người là bẩm sinh, có bản chất sinh học, mặt khác lại cho rằng trước khi hành động, nhận thức của con người giúp họ đặt ra những mục tiêu để vươn tới (Bandura), con người có khả năng nhận thức những tác động đến từ môi trường; có khả năng lựa chọn cách tốt nhất để thoả mãn, hiện thực hoá nhu cầu và động cơ của mình (Roger, Allport,...). Nói cách khác, theo họ sự hình thành động cơ hoạt động của con người diễn ra một cách có ý thức trên nền tảng bền vững của bẩm sinh và di truyền. Điều đó có nghĩa là di truyền và bẩm sinh vẫn là yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển động cơ con người.

Khác với quan điểm trên, vấn đề động cơ trong tâm lý học hoạt động được giải quyết trên cơ sở các luận điểm trong triết học của C.Mác và Engchen về vấn đề bản chất con người và động lực thúc đẩy hoạt động của con người. Các nhà tâm lý học hoạt động cho rằng: Nghiên cứu động cơ con người phải xuất phát từ hoạt động thực tiễn của cá nhân trong những điều kiện xã hội lịch

sử nhất định. Trong Luận văn này, chúng tôi tán thành và sử dụng quan điểm của Tâm lý học hoạt động về động cơ.

X.L.Rubinstine coi động cơ xuất phát từ nhu cầu và nhiệm vụ của cuộc sống có tính chất thứ bậc. Động cơ là sự quy định về mặt chủ quan hành vi của con người. Sự quy định này được thực hiện gián tiếp bằng quá trình phản ánh thế giới đó, thông qua động cơ con người liên kết với bối cảnh hiện thực. Ông chỉ ra hai khuynh hướng động cơ là khuynh hướng động cơ nghĩa vụ và khuynh hướng động cơ ham thích. Đồng thời nhấn mạnh động cơ là đặc trưng chủ yếu của tâm lý con người, thúc đẩy và điều khiển mọi hoạt động của con người.

A.N.Leonchiev nhấn mạnh nhân cách là kết quả của quá trình tác động qua lại lẫn nhau của nhiều hoạt động khác nhau mà giữa chúng có mối quan hệ và được sắp xếp theo thứ bậc, nhân cách được bộc lộ ra như là một tổng hoà các mối quan hệ có thứ bậc của các hoạt động, mỗi một hoạt động có thể được thúc đẩy bởi nhiều động cơ khác nhau, trong quá trình tác động qua lại của nhiều hoạt động khác nhau đã làm xuất hiện hiện tượng phân đôi chức năng giữa các động cơ của cùng một hoạt động thành một bên có chức năng tạo ý (đồng thời có chức năng thúc đẩy) và một bên chỉ là chức năng thúc đẩy, không có chức năng tạo ý. Chức năng tạo ý xuất hiện từ những động cơ mà trong quá trình hoạt động chúng làm xuất hiện ở chủ thể mối quan hệ thiết thân với đối tượng, mang lại cho chủ thể một ý nghĩa đặc biệt chi phối lối sống của nó, quy định sự biểu hiện hành vi của nó. Nói cách khác, nó gắn liền một cách trực tiếp với sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân. Trong khi đó cũng trong hoạt động này những động cơ khác không mang lại cho cá nhân những trải nghiệm như vậy mà chỉ có chức năng kích thích đơn thuần. Điều đó cho phép chúng ta hiểu được những quan hệ chủ yếu nói lên đặc trưng của lĩnh vực động cơ của nhân cách, quan hệ thứ bậc của các động cơ.

Thứ bậc của động cơ này làm thành một trường động cơ chiếm vị trí trung tâm trong cấu trúc nhân cách. Thứ bậc của các hoạt động được thực hiện thông qua thứ bậc của các động cơ tạo ý phù hợp với nó.

Tâm lý học hoạt động trên nền tảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng đã khẳng định rằng: Cũng như các hiện tượng tâm lý khác, động cơ hoạt động của con người là sự phản ánh chủ quan các giá trị xã hội khách quan; cũng như các chức năng tâm lý cấp cao khác, động cơ hoạt động của con người không có ngay từ lúc mới sinh. Trong quá trình phát sinh cá thể, hệ thống động cơ của con người được hình thành và phát triển dần dần trên cơ sở cá nhân bằng hoạt động và giao lưu ngày càng được mở rộng các mối quan hệ xã hội của mình, tiếp thu các giá trị xã hội khác nhau, biến chúng thành giá trị của bản thân, đem lại cho chúng những ý nghĩa nhân cách riêng biệt, đó là một quá trình lĩnh hội có chọn lọc các giá trị xã hội phù hợp với quan điểm riêng, phù hợp với vị trí, vai trò của mỗi người trong hệ thống các mối quan hệ xã hội mà họ gia nhập vào. Có nghĩa là động cơ hoạt động của con người được hình thành và phát triển ngay trong quá trình con người hoạt động và giao lưu trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập vào một cách có ý thức. Động cơ hoạt động của con người do đó có bản chất xã hội không tách rời khỏi sự vận động, phát triển của ý thức.

1.1.2 Sơ lược lịch sử nghiên cứu động cơ ở trong nước.

Ở Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về động cơ dựa vào cơ sở lý luận và phương pháp luận của tâm lý học hoạt động. Các công trình nghiên cứu về động cơ đã được các nhà nghiên cứu đề cập ở nhiều góc độ, lĩnh vực khác nhau, ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của nó đối với đời sống tâm lý mỗi con người.

Năm 2004 tác giả Trần Thị Thìn với công trình nghiên cứu: “Động cơ học tập của sinh viên sư phạm- thực trạng và phương hướng giáo dục” đã khái

quát những vấn đề lý luận về động cơ mà các nhà tâm lý học Phương Tây, tâm lý học Xô Viết và tâm lý học Việt Nam nghiên cứu và đặc biệt tác giả đi sâu tìm hiểu những lí luận liên quan đến động cơ học tập. Với những tìm tòi trong nghiên cứu của mình tác giả đã định nghĩa: Động cơ là những cái trở thành yếu tố tâm lý hướng dẫn thúc đẩy con người tích cực hoạt động đạt mục đích nhất định”. Động cơ thể hiện rất phong phú, đa dạng trong nhu cầu, hứng thú, mục đích, kỳ vọng và nguyên nhân, lý do khiến chủ thể tích cực, say mê hoạt động. Từ nghiên cứu của mình, tác giả đã kết luận động cơ là một cấu trúc trung tâm của nhân cách- có bản chất xã hội, tính ý thức, tính hiệu lực và quan hệ thứ bậc trong cấu trúc các động cơ. Động cơ có chức năng hướng dẫn và kích thích hoạt động, quy định tính tích cực và chiều hướng phát triển nhân cách. Bên cạnh những nghiên cứu về động cơ nói chung làm cơ sở lý luận cho nghiên cứu của mình tác giả đi sâu vào nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên sư phạm.

Năm 2005, tác giả Nguyễn Thị Lê Thu với công trình nghiên cứu “Động cơ học tập của học sinh trường phổ thông trung học- Huyện Hạ Hoà- Tỉnh Phú Thọ”.

Năm 2006, tác giả Trần Thị Thơm với công trình nghiên cứu: “Động cơ học tập chuyên ngành Tâm lý học của sinh viên khoa Tâm lý học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”.

Năm 2007, tác giả Nguyễn Thị Huyền với công trình nghiên cứu: “Tìm hiểu động cơ thúc đẩy người dân duy trì và phát triển nghề truyền thống”.

Năm 2007, tác giả Vũ Tuấn Nam tiến hành công trình nghiên cứu: “Động cơ mua bán chất ma túy của phạm nhân tại trại giam Z30D cục V26 Bộ Công An”, tác giả đã đưa ra kết luận: Có nhiều động cơ thúc đẩy phạm nhân phạm tội mua bán các chất ma túy, trong đó động cơ vì bị túng quẫn và bị nghiện là chủ yếu. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan làm xuất

hiện những nhu cầu nổi trội, vượt khả năng của bản thân, thậm chí là những nhu cầu bệnh hoạn, những nguyên nhân đó là: Sự tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, những tác động của những yếu tố tiêu cực của xã hội, môi trường sống, làm tha hoá, băng hoại về nhân cách và quan điểm, lối sống của một bộ phận dân cư, làm sai lệch định hướng giá trị. Những phạm nhân phạm tội lại sống trong môi trường có những điều kiện thuận lợi, tác động trực tiếp hàng ngày với họ về tệ nạn xã hội, đặc biệt tệ nạn ma tuý, làm họ có được những hiểu biết nhất định về ma tuý và cách thức thực hiện trót lọt hành vi mua bán các chất ma tuý nhằm kiếm tiền để thoả mãn nhu cầu của mình. Quá trình đấu tranh động cơ thường diễn ra nhanh chóng, đơn giản nhưng lại rất mạnh mẽ, quyết liệt bởi những nhu cầu nổi trội thường vượt quá xa so với khả năng của họ thì họ không có nhiều lựa chọn khác, nếu như không muốn nói đó là lựa chọn duy nhất của họ nhằm đạt được mục đích của họ [14, tr. 99-100].

Năm 2008, tác giả Nguyễn Thị Hạnh với đề tài nghiên cứu: “Động cơ lao động của công nhân công ty sứ Đông Lâm- Tiền Hải- Thái Bình”.

Năm 2008, tác giả Phan Thị Hồng Phương với đề tài: “Động cơ hiến máu của sinh viên”. Trong công trình này tác giả đã xây dựng được một hệ thống lý luận về động cơ là cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu của mình. Trên cơ sở khái quát những thành tựu nghiên cứu về động cơ trong và ngoài nước, tác giả đã nêu quan điểm của mình về động cơ như sau: Thứ nhất, động cơ là động lực thôi thúc hành động, không có động lực hành động con người sẽ không thể tiến hành hành động được. Động lực này là cái mà có nó hành động của cá nhân được diễn ra và hoàn thiện. Động cơ có thể xuất phát từ nhu cầu bên trong hoặc bên ngoài cá nhân, nhưng nếu không xuất phát từ nhu cầu động cơ không được hình thành và do đó không có hành động có ý thức. Ở đây tác giả đã có sự nhầm lẫn khi cho rằng mọi kích thích đều là động cơ. Theo Tâm lý học hoạt động, động cơ là phạm trù ý thức nên dù bản năng kích thích hành

động cũng không phải là động cơ. Nên động cơ phải là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ một nhu cầu mà đối tượng thoả mãn nó đã được chủ thể làm xuất hiện (hình dung ra) một cách rõ ràng và đầy đủ trong đầu óc mình một cách có ý thức dưới hình thức biểu tượng, có sức thúc đẩy hành động có hướng của chủ thể nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Thứ hai động cơ mang tính định hướng, điều chỉnh và là vectơ đúng đắn cho một hành động hợp logic. Tác giả cũng tiến hành điều tra trên 300 sinh viên các trường Đại học tại Hà Nội về động cơ hiến máu và đưa ra một số kết luận khuyến nghị cho công tác hiến máu. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu chưa đi sâu tìm hiểu về động cơ thôi thúc sinh viên hiến máu, không những thế công trình nghiên cứu động cơ hiến máu của sinh viên nhưng lại khảo sát cả những sinh viên chưa từng hiến máu.

Trong công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi sẽ tập trung đi sâu nghiên cứu về động cơ chủ yếu thôi thúc sinh viên HMNĐ, các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên, góp phần làm sáng rõ hơn lý luận về động cơ cũng như áp dụng kiến thức về động cơ trong nghiên cứu thực tiễn.

1.2 Một số vấn đề lí luận về động cơ và động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

1.2.1 Một số vấn đề lí luận về động cơ hoạt động trong tâm lý học

1.2.1.1 Khái niệm động cơ hoạt động

Có nhiều quan niệm khác nhau về động cơ

L.X.Rubinstein cho rằng: Động cơ là sự quy định về mặt chủ quan hành vi con người bởi thế giới. Sự quy định này thể hiện gián tiếp bằng quá trình phản ánh động cơ, thông qua động cơ của mình con người liên hệ với bối cảnh hiện thực.

A.N.Leonchiev cho rằng: Động cơ chính là đối tượng có khả năng thoả mãn nhu cầu đã được chủ thể tri giác, tư duy, tưởng tượng, đó là sự phản ánh chủ quan về đối tượng thoả mãn nhu cầu [12, tr. 7-12].

Vũ Tuấn Nam trong công trình nghiên cứu động cơ mua bán chất ma túy của phạm nhân tại trại giam Z30D cục V26 Bộ Công An đã đưa ra quan niệm về động cơ: “ Động cơ là động lực thúc đẩy, định hướng hoạt động của con người, nhằm thoả mãn những nhu cầu đa dạng của cuộc sống” [14, tr.13].

Lê Khanh trong tập bài giảng tâm lý học nhân cách, năm 2007 thì cho rằng: Động cơ là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ một nhu cầu mà đối tượng thoả mãn nó đã được chủ thể làm xuất hiện (hình dung ra) một cách rõ ràng và đầy đủ trong đầu óc mình dưới hình thức biểu tượng, có sức thúc đẩy hành động có hướng nhằm thoả mãn nhu cầu của chủ thể [12, tr. 159].

Các nhà tâm lý học hoạt động đã khẳng định: Động cơ hoạt động của con người được hình thành và phát triển ngay trong quá trình con người hoạt động và giao lưu trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập, không tách rời khỏi sự vận động, phát triển của ý thức. Động cơ của con người, cũng như nhu cầu, nảy sinh từ hoạt động lao động của chính người đó, vì vậy để tìm hiểu động cơ và nhu cầu của một người nào đó chúng ta phải tiến hành nghiên cứu thông qua hoạt động có ý thức của họ.

Trên cơ sở tiếp thu những quan điểm của các nhà nghiên cứu về động cơ, trong phạm vi nghiên cứu của mình về động cơ HMNĐ của sinh viên, chúng tôi tán thành quan điểm của Lê Khanh (Tập bài giảng Tâm lý học Nhân cách, 2007) cho rằng: *“Động cơ là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ một nhu cầu mà đối tượng thoả mãn nó đã được chủ thể làm xuất hiện (hình dung ra) một cách rõ ràng và đầy đủ trong đầu óc mình một cách có ý thức dưới hình thức biểu tượng, có sức thúc đẩy hành động có hướng của chủ thể nhằm thoả mãn nhu cầu của mình”* [12, tr. 159]. Ưu điểm nổi trội của định nghĩa có tính

chất mô tả này là ở chỗ dễ dàng thao tác hoá khi nghiên cứu động cơ trong thực tiễn.

1.2.1.2 Một số đặc điểm của động cơ hoạt động

a. Tính có ý thức của động cơ hoạt động

Tâm lý học hoạt động trên nền tảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng, cũng như các hiện tượng tâm lý khác, động cơ hoạt động của con người là sự phản ánh chủ quan các giá trị xã hội khách quan. Cũng như các chức năng tâm lý cấp cao khác, động cơ hoạt động của con người không có ngay từ lúc mới sinh. Trong quá trình phát sinh cá thể, hệ thống động cơ của con người được hình thành và phát triển dần dần trên cơ sở cá nhân bằng hoạt động và giao lưu ngày càng được mở rộng trong các mối quan hệ của mình, tiếp thu các giá trị xã hội khác nhau, biến chúng thành giá trị của bản thân mình, chính những giá trị đó đem lại cho mỗi chúng ta những ý nghĩa nhân cách riêng biệt. Đó là quá trình lĩnh hội có chọn lọc các giá trị xã hội phù hợp với quan điểm riêng, phù hợp với vị trí và vai trò của mỗi người trong hệ thống các mối quan hệ xã hội. Điều đó có nghĩa là động cơ hoạt động của con người hình thành và phát triển ngay trong quá trình con người hoạt động và giao lưu trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập một cách có ý thức. Động cơ hoạt động của con người, do đó có bản chất xã hội và không tách rời sự vận động, phát triển của ý thức.

Ý thức là phản ánh tâm lý cao nhất chỉ riêng con người mới có, phản ánh bằng ngôn ngữ, là khả năng con người hiểu được các tri thức mà con người tiếp thu được. Để một nhu cầu trở thành động cơ thúc đẩy hoạt động thì trước hết nó phải được đối tượng hoá (tức là đối tượng của nhu cầu phải được chủ thể ý thức một cách đầy đủ), nói cách khác thì chủ thể phải hình dung ra đối tượng nào có khả năng thoả mãn nhu cầu của mình, phải xây dựng được biểu tượng về nó, khi đó nhu cầu mới có chức năng thúc đẩy, chức năng hướng dẫn hoạt

động, tức là trở thành động cơ. Tính ý thức nói lên tính mục đích, tính có chủ định của động cơ. Tuy nhiên, trong thực tiễn các động cơ chỉ lộ ra trước ý thức của chủ thể một cách khách quan bằng cách phân tích các hoạt động, phân tích động thái hoạt động. Còn trong chủ quan thì động cơ thể hiện dưới dạng gián tiếp của nó, tức là các hình thức trải nghiệm như: mong ước, nguyện vọng đạt tới mục tiêu. Do đó mà sự thống nhất các mặt ý thức trong động cơ được coi là một thông số của động cơ.

Những điều vừa trình bày trên lý giải vì sao (theo các nhà Tâm lý học Hoạt động) không phải bất cứ cái gì (cả bản năng vô thức) có tác dụng kích thích con người hành động đều gọi là động cơ hoạt động; động cơ hoạt động của con người không bao giờ thuộc phạm trù vô thức.

b. Tính thứ bậc của động cơ

Một hoạt động bao giờ cũng do nhiều động cơ thúc đẩy, chi phối. Theo Leonchiev hệ thống động cơ của nhân cách bao gồm: Động cơ tạo ý và động cơ kích thích hành động. Sự phân chia chức năng động cơ của hoạt động tạo nên tính thứ bậc của động cơ. Động cơ mang tính thứ bậc bởi nó gián tiếp qua mục đích. Động cơ tạo ý xuất hiện từ những động cơ mà trong quá trình hoạt động chúng làm xuất hiện ở chủ thể mối quan hệ thiết thân với đối tượng, mang lại cho chủ thể một ý nghĩa đặc biệt chi phối lối sống của nó, quy định sự biểu hiện hành vi của nó. Nói cách khác nó gắn liền một cách trực tiếp với sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân. Trong khi đó cũng trong hoạt động này những động cơ khác không mang lại cho cá nhân những trải nghiệm như vậy mà chỉ có chức năng kích thích đơn thuần. Điều đó cho phép chúng ta hiểu được những quan hệ chủ yếu nói lên đặc trưng của lĩnh vực động cơ, thứ bậc của động cơ làm thành một trường động cơ chiếm vị trí trung tâm trong cấu trúc nhân cách.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, qua lý thuyết về thang nhu cầu của mình, A.Maslow cũng nói tới thứ bậc của các động cơ tương tự như quan niệm của các nhà tâm lý học hoạt động. Thật ra, sự sắp xếp thứ bậc nhu cầu của Maslow dựa trên lý luận về mức độ gắn gũi của chúng là nhiều hay ít với các nhu cầu sinh tồn (sinh học)- về sự thiết yếu phải duy trì trạng thái cân bằng nội tại về nhu cầu sinh lý (ăn uống, tình dục,...); rồi trên đó là nhu cầu an toàn (tự vệ); trên nữa là nhu cầu về tự trọng; và cuối cùng trên chóp đỉnh của hệ thứ bậc này là nhu cầu tự thể hiện (nhận thức, thẩm mỹ). Thật ra mức độ gần hay xa các nhu cầu sinh vật (nhu cầu sinh tồn) không xác định được quan hệ thứ bậc giữa các động cơ, mà quan hệ thứ bậc giữa các động cơ được quy định bởi những mối liên hệ được hình thành trong hoạt động của chủ thể trong các mối quan hệ xã hội mà người mang động cơ đó gia nhập vào, những mối liên hệ được hình thành không giống nhau mà nó tùy thuộc vào tính đặc thù của những điều kiện và hoàn cảnh diễn ra hoạt động, làm cho sự sắp xếp thứ bậc giữa các động cơ có thể thay đổi, vì thế mà sự sắp xếp thứ bậc giữa các động cơ là không cứng nhắc, không nhất thành bất biến. Vì vậy, chúng tôi cho rằng không có sự tương tự nào giữa lý thuyết về thang nhu cầu của A. Maslow với quan niệm của các nhà tâm lý học hoạt động về tính có thứ bậc của động cơ hoạt động.

c. Tính ổn định và bền vững tương đối của động cơ hoạt động

Là một thuộc tính tâm lý, động cơ có tính ổn định và bền vững. Song điều đó không có nghĩa là chúng hoàn toàn không có thể thay đổi. Trong quá trình hoạt động có thể xảy ra những khó khăn khách quan và chủ quan khiến hoạt động hướng tới đối tượng thoả mãn nhu cầu diễn ra không trôi chảy một cách bình thường, khi đó chủ thể có thể thay đổi chút ít nội dung của động cơ cho phù hợp với điều kiện của hoạt động. Hoặc cũng có thể vẫn giữ nguyên nội dung nhưng trạng thái tích cực của chủ thể do động cơ tạo ra giảm đi.

Động cơ có thể từ chỗ là động cơ có hiệu lực trở thành động cơ chỉ có lực thúc đẩy tiềm năng. Như vậy, trong quá trình hoạt động, động cơ có sự biến đổi, hoặc nảy sinh những động cơ mới.

Động cơ hoạt động của con người mang bản chất xã hội và không tách rời sự vận động phát triển của ý thức, do đó nó cũng được hình thành và phát triển trong một quá trình lâu dài, trong chính quá trình hoạt động và giao lưu của con người chứ không phải khi con người sinh ra đã có sẵn một hệ thống các động cơ. Con người tích cực tham gia các hoạt động và giao lưu khác nhau càng phong phú, phức tạp thì hệ thống động cơ càng phong phú, đa dạng. Nói như vậy có nghĩa là động cơ hoạt động của con người không hoàn toàn nhất thành bất biến, nó có thể thay đổi khi điều kiện hoàn cảnh sống thay đổi, những quan niệm lối sống, những giá trị xã hội đã có sự thay đổi thì động cơ hoạt động của con người cũng có những thay đổi nhất định [14, tr. 14-15].

d. Tính ẩn tàng của động cơ hoạt động

Động cơ hoạt động của con người được hình thành và phát triển trong quá trình con người hoạt động và giao lưu trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập vào. Tuy nhiên, trong thực tế con người rất khó nhận ra đâu là động cơ chủ yếu thúc đẩy hoạt động của mình. Các động cơ chỉ lộ ra trước ý thức của chủ thể một cách khách quan bằng cách phân tích các hoạt động, phân tích động thái hoạt động. Còn trong chủ quan thì động cơ thể hiện dưới dạng gián tiếp của nó, tức là các hình thức trải nghiệm như: Mong ước, nguyện vọng đạt tới mục tiêu. Vì thế các nhà Tâm lý học hoạt động nói động cơ mang tính ẩn tàng.

1.2.1.3 Mối quan hệ giữa động cơ và các khái niệm liên quan

a. Mối quan hệ giữa động cơ và nhu cầu

Trong tâm lý học, nhu cầu và động cơ luôn được nghiên cứu trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đan xen nhau đến mức khó tách rời. Khi bàn về

động cơ không thể không bàn tới nhu cầu với tư cách là nguồn gốc trực tiếp dẫn tới hình thành động cơ. Ngược lại khi bàn về nhu cầu không thể không nói tới các lực thúc đẩy là động cơ con người nhằm thoả mãn nhu cầu. Động cơ là sự phản ánh chủ quan về đối tượng thoả mãn nhu cầu. Theo Leonchiev quá trình diễn biến nhu cầu trong tâm lý con người từ một trạng thái có tính chất nhu cầu sang một nhu cầu đích thực, đó chính là lúc nhu cầu gặp được đối tượng và có được sức mạnh thúc đẩy, định hướng hoạt động của con người nhằm thoả mãn nhu cầu. Nói cách khác vào thời điểm đó nhu cầu đã trở thành động cơ hoạt động.

Nhu cầu là hiện tượng tâm lý của con người, sự cần thiết được thoả mãn về một đối tượng cụ thể, tức là đòi hỏi của chủ thể về một đối tượng ngoài nó. Đối tượng ấy là những cái cụ thể và tất yếu, rất cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của chủ thể nhu cầu. Nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu mà con người cần được thoả mãn để tồn tại và phát triển. Còn động cơ là sự phản ánh chủ quan đòi hỏi tất yếu khách quan đó.

b. Mối quan hệ giữa động cơ và xúc cảm

Ở trên chúng ta đã khẳng định: Động cơ xuất hiện khi đối tượng có khả năng thoả mãn nhu cầu được làm xuất hiện trong đầu óc con người dưới hình thức biểu tượng và có sức mạnh thúc đẩy một hoạt động có hướng nhằm hiện thực hoá nó trong đời sống thực hàng ngày dưới hình thức một sản phẩm cụ thể. Khi hoạt động kết thúc, sản phẩm của nó xuất hiện do khả năng đáp ứng nhu cầu của nó (làm thoả mãn hay không thoả mãn nhu cầu của chủ thể) mà sẽ làm xuất hiện ở chủ thể xúc cảm hài lòng hay không hài lòng. Như vậy, trong mối quan hệ với động cơ của một hoạt động cụ thể thì xúc cảm là hiện tượng có sau, báo hiệu rằng động cơ đã được hiện thực hoá, có làm thoả mãn hay không thoả mãn nhu cầu của chủ thể. Điều đó có nghĩa là: Xúc cảm là đại diện chủ quan của động cơ, biểu hiện gián tiếp của động cơ chứ bản thân nó không

phải là động cơ. Nói cách khác xúc cảm giữ chức năng báo hiệu về sự tồn tại của một động cơ nào đó. Trong đời sống hàng ngày mỗi khi bắt tay vào thực hiện một hành động nào đó đòi hỏi chủ thể phải ý thức được mục đích của việc mình làm, thông thường người ta lại ít quan tâm tới tự trả lời câu hỏi là động cơ nào đã thúc đẩy mình làm việc đó, nhất là khi những động cơ có tính chất bền vững đã hình thành nên xu hướng của nhân cách đến mức như một thói quen. Những lúc như vậy động cơ hoạt động vẫn được phản ánh trong tâm lý con người, nhưng dưới một hình thức đặc biệt- hình thức những sắc thái xúc cảm của hành động được biểu hiện ở những mong ước, ý muốn, nguyện vọng,...Nghĩa là những biểu hiện gián tiếp của động cơ, đó là những tín hiệu của động cơ, qua đó mà những quá trình đang diễn ra sẽ được điều chỉnh. Chính điều đó tạo ra sự lầm tưởng của nhiều người cho những trải nghiệm này (ý muốn, mong ước, nguyện vọng,...) là những động cơ trực tiếp thúc đẩy hoạt động [12, tr.153].

1.2.1.4 Cấu trúc của động cơ hoạt động

Khi bàn về cấu trúc động cơ, các nhà nghiên cứu tâm lý thường đề cập tới cấu trúc của hệ thống động cơ trong đời sống tâm lý con người (cấu trúc vĩ mô của động cơ) và cấu trúc của động cơ hoạt động nói chung (cấu trúc vi mô của động cơ)

a. Cấu trúc vĩ mô của động cơ hoạt động

Từ lúc sinh ra đến khi chết đi con người chúng ta gia nhập vào các mối quan hệ xã hội khác nhau bằng các hình thức và các dạng hoạt động khác nhau, làm thành cuộc sống thực của mỗi người trong từng giai đoạn của cuộc đời. Các động cơ hoạt động khác nhau đã được hình thành và phát triển trong chính quá trình đó. Chúng không tồn tại cô lập với nhau, mà tác động qua lại với nhau, gắn kết với nhau trong các mối quan hệ, tạo nên một hệ thống trọn vẹn, làm cho lĩnh vực động cơ của con người có tính hệ thống. Nói như vậy

chúng ta có thể hiểu rằng một động cơ cũng có thể được thoả mãn bởi nhiều dạng hoạt động khác nhau. Cần lưu ý rằng, tuy một hoạt động có thể được thúc đẩy bởi nhiều động cơ khác nhau, song những động cơ đó không cùng nằm trên một bình diện. Trong số những động cơ khác nhau đó có những động cơ chỉ có chức năng kích thích, những động cơ còn lại ngoài chức năng kích thích còn có chức năng tạo ý(với ý nghĩa là nó làm xuất hiện ở chủ thể những mối liên hệ có tính chất thiết thân, không thể không có, trở thành cái quyết định bên trong của chủ thể đối với những kích thích đến từ bên ngoài; nghĩa là trở thành những yếu tố của nhân cách; làm cho hoạt động có hàm ý nhân cách). Như vậy, trong quá trình phát triển của hoạt động, trong những hoàn cảnh điều kiện cụ thể, ta thấy có sự phân đôi chức năng của các động cơ trong cùng một hoạt động đó là: Một bên là chức năng kích thích(chỉ có tác dụng thúc đẩy) và bên kia là chức năng tạo ý(đồng thời cũng có tác dụng kích thích). Điều đó cho chúng ta hiểu được đặc trưng của động cơ của nhân cách: quan hệ thứ bậc của các động cơ. Nền tảng của sự sắp xếp thứ bậc này hoàn toàn khác so với nền tảng của sự sắp xếp thứ bậc nhu cầu theo quan điểm của Maslow. Sự sắp xếp thứ bậc nhu cầu của Maslow dựa trên lý luận về mức độ gần gũi nhiều hay ít với các nhu cầu sinh tồn- về sự thiết yếu phải duy trì trạng thái cân bằng nội tại về nhu cầu sinh lý; rồi trên đó là nhu cầu an toàn; trên nữa là nhu cầu được chấp nhận và yêu thương; trên nữa là nhu cầu về tự trọng và cuối cùng trên chóp đỉnh của hệ thống thứ bậc này là nhu cầu tự thể hiện. Thật ra mức độ gần hay xa các nhu cầu sinh vật chưa xác định được quan hệ thứ bậc giữa các động cơ, mà quan hệ thứ bậc giữa các động cơ được quy định bởi những mối liên hệ được hình thành trong hoạt động của chủ thể trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập vào. Tùy theo tính đặc thù của những điều kiện và hoàn cảnh diễn ra hoạt động mà những mối liên hệ được hình thành trong đó sẽ không giống nhau, làm cho sự sắp xếp thứ bậc giữa các

động cơ có thể thay đổi. Vì thế sự sắp xếp thứ bậc giữa các động cơ là không cứng nhắc. Như vậy, sự vận động và phát triển của hệ thống động cơ có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách diễn ra trong quá trình vận động, phát triển của hoạt động cá nhân trong các mối quan hệ xã hội mà nó gia nhập vào [12, tr.155]

b. Cấu trúc vi mô của động cơ

Một trong những người đề cập sâu đến cấu trúc vi mô của động cơ là V.G. Axeep. V.G.AXeeep khi bàn về động cơ, ông cho rằng: Động cơ được cấu thành bởi hai thành tố: Thành tố nội dung và thành tố lực. Khía cạnh nội dung của động cơ: Phản ánh nội dung của cái mà con người muốn vươn tới, muốn đạt được. Khía cạnh lực của động cơ: phản ánh độ mạnh của động cơ, mức độ sức mạnh của lực thúc đẩy hành động, khía cạnh lực thể hiện ở khả năng thúc đẩy chủ thể thực hiện hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Ông nhấn mạnh khía cạnh nội dung và khía cạnh lực của động cơ có quan hệ biện chứng khăng khít với nhau, quy định lẫn nhau trong một chỉnh thể động cơ thống nhất, tuy nhiên chúng có tính độc lập tương đối, điều đó được cụ thể hoá trong cuộc sống của mỗi con người chúng ta: Mỗi cá nhân thường biết mình cần phải sống như thế nào, phải vươn tới cái gì, phải ứng xử ra sao trong mối quan hệ với người khác sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, tuy nhiên vì những lí do khác nhau mà cá nhân đó không làm theo những gì mình hiểu biết. Từ góc độ động cơ hoạt động chúng ta cá nhân mới dừng lại ở khả năng nhận thức được nội dung của động cơ, nó mới chứa đựng một lực tiềm năng nhất định, chưa có lực thực sự thúc đẩy chủ thể thực hiện một hoạt động có hướng nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Do đó trong quá trình hình thành động cơ thì khía cạnh nội dung với lực tiềm năng của nó bao giờ cũng xuất hiện trước, nó có thể trở thành cái có sức mạnh thực sự thúc đẩy chủ thể thực hiện một hoạt động có hướng nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Vì thế sau

khi xuất hiện, khía cạnh nội dung này cần được vận dụng để tổ chức các hoạt động nhằm đạt được mục đích đã được xác định trước. Qua đó làm xuất hiện ở chủ thể những mối quan hệ thiết thân với những gì đã nhận thức được, biến nó trở thành cái quyết định bên trong đảm bảo cho việc thực hiện những hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu của chủ thể được diễn ra. Qua đó lực thúc đẩy tiềm năng trở thành lực thúc đẩy có hiệu lực, điều khiển, điều chỉnh một hoạt động có hướng nhằm thoả mãn nhu cầu.

1.2.1.5 Những mặt biểu hiện của động cơ hoạt động

Động cơ hoạt động của con người biểu hiện ở ba mặt: Nhận thức, xúc cảm- tình cảm, hành vi, ba mặt này không tồn tại tách rời cô lập nhau mà tác động qua lại, gắn kết với nhau làm thành một thể thống nhất trong động cơ hoạt động của con người.

a. Mặt nhận thức của động cơ. Khi con người tham gia vào một hoạt động nào đó, cái thúc đẩy con người tiến hành hoạt động chính là động cơ, theo khái niệm động cơ chúng ta đưa ra thì: “Động cơ là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ một nhu cầu mà đối tượng thoả mãn nó đã được chủ thể hình dung một cách hết sức rõ ràng trong đầu óc mình một cách có ý thức dưới hình thức biểu tượng, có sức thúc đẩy một hành động có hướng nhằm thoả mãn nhu cầu của chủ thể”, do đó để hình thành được động cơ thúc đẩy hành động của con người thì chủ thể đó phải nhận thức một cách chính xác và đầy đủ về đối tượng của nhu cầu một cách có ý thức, chính nhận thức đó đã điều khiển, điều chỉnh hành động của chủ thể đạt được mục đích nhằm thoả mãn nhu cầu của chủ thể, ngoài ra chủ thể còn có khả năng đánh giá hoạt động, đánh giá thái độ của chính bản thân chủ thể rồi quyết định tiến hành hoạt động đó. Do đó tính chất động cơ hành động của chủ thể như thế nào trước tiên phụ thuộc vào nhận thức của nó về đối tượng, ý nghĩa, tầm quan trọng của đối tượng đối với quá trình hoạt động, đối với chính bản thân chủ thể,... Vậy biểu hiện mặt nhận

thức của động cơ có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành động cơ hoạt động của con người.

Trong đề tài nghiên cứu này, chúng tôi muốn tìm hiểu biểu hiện mặt nhận thức của động cơ HMNĐ của sinh viên, cụ thể biểu hiện ở sự nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của HMNĐ đối với xã hội, cá nhân sinh viên.

b. Mặt xúc cảm- tình cảm của động cơ hoạt động. Cùng với sự biểu hiện ở mặt nhận thức của động cơ, mặt xúc cảm- tình cảm của động cơ cũng góp phần quan trọng để tìm hiểu mức độ cũng như tính chất của động cơ hành động như thế nào, nó biểu hiện ở thái độ tích cực hay không tích cực của hoạt động. Như phần trên đã khẳng định, xúc cảm là đại diện chủ quan của động cơ, biểu hiện gián tiếp của động cơ, những tín hiệu của động cơ, qua đó hành động đang diễn ra sẽ được điều khiển, điều chỉnh. Nói cách khác, sự vận hành của động cơ hoạt động gắn liền với quá trình diễn biến của xúc cảm con người làm thành một thể thống nhất không thể tách rời.

Trong Luận văn của chúng tôi, biểu hiện xúc cảm- tình cảm của động cơ HMNĐ của sinh viên thể hiện ở những mong đợi, tự hào, phấn khởi,... của sinh viên đối với hành động HMNĐ của mình hoặc ngược lại.

c. Mặt hành vi của động cơ hoạt động. Một động cơ hoạt động phát triển ở trình độ cao bao giờ cũng biểu hiện ở hành động mạnh mẽ, quyết liệt, kiên trì thực hiện hành động đến khi đạt được mục đích đã đặt ra (đối tượng của nhu cầu được hiện thực hoá). Ngược lại, một động cơ phát triển ở mức độ thấp sẽ thủ tiêu mọi lực đẩy đối với hành động nhằm hiện thực hoá đối tượng của nhu cầu. Trong trường hợp ấy, tính tích cực của nhân cách được thể hiện một cách yếu ớt, dẫn tới ý chí bạc nhược, người ta dễ dàng bỏ cuộc, không hành động tới cùng.

Cần lưu ý rằng, ba mặt biểu hiện trên của động cơ không tồn tại tách rời, cô lập với nhau mà tác động qua lại, gắn kết với nhau làm thành một thể thống nhất trong động cơ hoạt động của con người như chúng tôi đã nhấn mạnh ngay từ những dòng đầu tiên của mục 1.2.1.5

1.2.2 Một số vấn đề lí luận về động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

1.2.2.1 Khái niệm hiến máu nhân đạo

HMNĐ là cho đi một lượng máu nhất định (trung bình: 350ml) của cơ thể mình mà không có bất cứ đòi hỏi nào từ phía người bệnh (thông tin cơ bản về truyền máu, hội thanh niên vận động hiến máu Hà Nội, 2009). Hành vi này không có mục đích nào khác ngoài mục đích cứu người bệnh qua cơn hiểm nghèo do thiếu máu gây ra.

Tiêu chuẩn để được trở thành người hiến máu nhân đạo

- Là công dân tuổi từ 18 đến 55 (nữ) hoặc 60 (nam), cảm thấy mình hoàn toàn khoẻ mạnh, không có các yếu tố nguy cơ nhiễm HIV/ AIDS, viêm gan B,...
- Hoàn toàn tình nguyện Hiến máu cứu người và phối hợp tốt với các trung tâm truyền máu
- Có đầy đủ giấy tờ tùy thân, có địa chỉ liên lạc rõ ràng
- Cân nặng trên 45kg đối với nam và nữ
- Thời gian hiến máu lần trước cách ít nhất là 84 ngày
- Được bác sĩ khám tuyển lâm sàng kết luận là có đủ điều kiện sức khoẻ để hiến máu [10, tr.7].

Quyền lợi của người hiến máu khi tham gia hiến máu nhân đạo

Mục đích cao cả khi tham gia hiến máu là để cứu chữa người bệnh. Tuy vậy, khi tham gia hiến máu người HMNĐ cũng có những quyền lợi nhất định. Thông tư 12/ TTLT-BYT-BTC ngày 25/ 02/ 2004 của bộ Y tế và bộ Tài chính quy định cụ thể như sau:

- Được xã hội tôn vinh
- Được kiểm tra sức khoẻ (qua khám lâm sàng, xét nghiệm), được biết, giữ bí mật về kết quả khám và xét nghiệm, được tư vấn sức khoẻ miễn phí nếu có nhu cầu.
- Được nhận máu miễn phí tương đương với lượng máu đã hiến (nếu có nhu cầu).
- Bồi dưỡng sức khoẻ (ăn nhẹ tại chỗ trị giá: 20.000đ, quà tối đa: 80.000đ, hỗ trợ chi phí đi lại: 30.000đ, được nhận giấy chứng nhận HMNĐ sau mỗi lần hiến máu) [9, tr.8].

1.2.2.2 Ý nghĩa xã hội to lớn của hành vi hiến máu nhân đạo trong giai đoạn phát triển xã hội hiện nay ở nước ta

- Những lượng máu tình nguyện hiến dâng sẽ đem lại sự sống cho những người kém may mắn, mang đến niềm tin, niềm hy vọng vào sự sống của con người. Việc cung cấp máu cho các bệnh viện, trước năm 1994 chỉ chủ yếu nhờ vào những người bán máu chuyên nghiệp. Kể từ năm 1994 thì Việt Nam bắt đầu phát động phong trào hiến máu tình nguyện, nhờ đó, từ chỗ mỗi năm chỉ có khoảng 100.000 đơn vị máu cung cấp cho bệnh viện thì nay đã lên đến gần 700.000 đơn vị máu (tăng khoảng 7 lần sau 17 năm, trong đó trên 80% là từ người hiến máu tình nguyện). Như năm 2010, phong trào HMNĐ đã góp thêm được khoảng 670.000 đơn vị máu, tương đương có khoảng 0,7-0,8% dân số tham gia HMNĐ, trong khi yêu cầu tối thiểu cần có khoảng 2% dân số, tức là lượng máu cần thu gom cần thêm khoảng 1 triệu đơn vị máu. Lượng máu thu được đã góp phần cứu sống hàng trăm ngàn người bệnh mỗi năm.

- Hoạt động HMNĐ hàng năm có ý nghĩa rất to lớn, nó thể hiện một xã hội mà ở đó con người luôn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. HMNĐ là một trong những nghĩa cử cao đẹp của con người với con người, và là truyền thống tương thân tương ái “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí

cùng” của người dân Việt Nam. Phong trào “HMNĐ” đã ngày càng trở thành một việc làm có ý nghĩa hết sức cao đẹp, thể hiện rõ tính nhân văn cao cả, là tiếng nói lương tâm, là tình cảm của con người với con người được xã hội tôn vinh.

1.2.2.3 Sinh viên với vấn đề hiến máu nhân đạo

1.2.2.3.1 Khái niệm sinh viên

Theo chúng tôi, khái niệm sinh viên có thể được hiểu là: Sinh viên là những người đang được đào tạo theo những ngành nghề nhất định trong các trường Đại học và Cao đẳng nhằm bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thông thường sinh viên là những người có lứa tuổi bắt đầu từ sau tuổi phổ thông trung học và kết thúc vào khoảng 25 tuổi (25 tuổi cũng là năm kết thúc giai đoạn đào tạo dài nhất ở bậc đại học).

1.2.2.3.2 Một số đặc điểm tâm lý nổi bật của sinh viên

Đặc điểm tâm lý của sinh viên phong phú đa dạng, bị chi phối bởi sự phát triển thể chất, các hoạt động mà họ tham gia và điều kiện xã hội. Trong khuôn khổ Luận văn này chúng tôi chỉ nêu lên một số đặc điểm tâm lý đặc trưng cho lứa tuổi sinh viên có liên quan đến hành vi HMNĐ của họ.

a. Sự tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục ở sinh viên.

Tự đánh giá là một trong những phẩm chất quan trọng, một trình độ phát triển cao của nhân cách. Tự đánh giá có ý nghĩa định hướng, điều chỉnh hoạt động, hành vi của chủ thể nhằm đạt mục đích, lý tưởng sống một cách tự giác. Nó giúp con người không chỉ biết người mà còn “biết mình”. Ở tuổi sinh viên, tự đánh giá phát triển mạnh với những biểu hiện phong phú và sâu sắc. Tự đánh giá ở sinh viên là một hoạt động nhận thức, trong đó đối tượng nhận thức chính là bản thân chủ thể, là quá trình chủ thể thu thập, xử lý thông tin về chính mình, chỉ ra được mức độ nhân cách tồn tại ở bản thân, từ đó có thái độ,

hành vi, hoạt động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện và phát triển.

Đặc điểm tự đánh giá ở sinh viên mang tính toàn diện và sâu sắc. Biểu hiện cụ thể của nó là sinh viên không chỉ đánh giá hình ảnh bản thân mình có tính chất bên ngoài, hình thức mà còn đi sâu vào các phẩm chất, các giá trị của nhân cách. Tự đánh giá của họ không chỉ trả lời câu hỏi: Tôi là ai? Mà còn: Tôi là người thế nào? Tôi có những phẩm chất gì? Tôi có xứng đáng không?... Hơn thế họ còn có khả năng đi sâu lý giải câu hỏi: Tại sao tôi là người như thế?

Những cấp độ đánh giá ở trên mang yếu tố phê phán, phản tỉnh rõ rệt. Vì vậy, tự đánh giá của sinh viên vừa có ý nghĩa tự ý thức, tự giáo dục.

Tự ý thức là một trình độ phát triển cao của ý thức, nó giúp sinh viên có hiểu biết về thái độ, hành vi, cử chỉ của mình để chủ động hướng hoạt động của mình đi theo những yêu cầu đòi hỏi của tập thể, của cộng đồng xã hội. Một số kết quả nghiên cứu tự ý thức, tự đánh giá ở sinh viên cho thấy: Mức độ phát triển của những phẩm chất nhân cách này có liên quan tới trình độ học lực cũng như kế hoạch sống trong tương lai của sinh viên. Những sinh viên có kết quả học tập cao thường chủ động, tích cực trong việc tự nhìn nhận, tự đánh giá, tự kiểm tra hành động của mình. Có những sinh viên có kết quả học tập thấp dễ tự đánh giá không phù hợp. Có những sinh viên tự đánh giá mình quá cao, thường bị động trong học tập, nhu cầu giao tiếp thường mạnh hơn nhu cầu nhận thức. Hoạt động của họ hướng chủ yếu vào các quan hệ. Ngược lại có những sinh viên đánh giá mình quá thấp, thường bị quan trước kết quả hoạt động hoặc thụ động trong quan hệ giao tiếp, việc tự giáo dục, tự hoàn thiện đạt mức thấp. Những nghiên cứu của V.X.Merlin và E.I.Ilin đã cho thấy sinh viên rất quan tâm tới mức độ đánh giá tốc độ phản ứng của mình trong học tập, giao tiếp- phản ứng đúng và nhanh các đòi hỏi của hoàn cảnh bên

ngoài là một năng lực của nhân cách và rất có ý nghĩa đối với hoạt động của sinh viên. Đa số sinh viên tự đánh giá kỹ năng định hướng vào người khác ở mức trung bình. Kỹ năng này bao gồm một tổ hợp hành vi như kỹ năng làm quen, giao tiếp với người lạ. Kỹ năng tự đánh giá này giúp sinh viên thoả mãn nhu cầu giao tiếp ngày càng rộng rãi của mình trong cuộc sống [16, tr.155-156].

Tóm lại, những phẩm chất nhân cách: Tự đánh giá, tự ý thức đều phát triển mạnh mẽ ở sinh viên. Chính những phẩm chất nhân cách bậc cao này có ý nghĩa rất lớn đối với việc tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực của những tri thức tương lai.

b. Sự phát triển về định hướng giá trị ở sinh viên

Định hướng giá trị là một trong những đặc điểm rất quan trọng đối với đời sống tâm lý của sinh viên. Định hướng giá trị là những giá trị được chủ thể nhận thức, ý thức và đánh giá cao, có ý nghĩa định hướng điều chỉnh thái độ, hành vi, lối sống của chủ thể nhằm vươn tới những giá trị đó. Ví dụ: những giá trị hoà bình, độc lập, tự do, thương người như thể thương thân là những định hướng giá trị cho bao thế hệ sinh viên Việt Nam... Những nghiên cứu về định hướng giá trị của chương trình KHCCN cấp Nhà nước với đề tài KX-07-04 của tác giả cho thấy trong hệ thống các giá trị chung, sinh viên Việt Nam đánh giá cao các giá trị: Tình nghĩa, sống có mục đích, hoà bình, tình yêu, niềm tin, việc làm. Trong thời kỳ mở cửa của nền kinh tế thị trường, những định hướng giá trị của sinh viên cũng đã có những thay đổi, những sự phân hoá nhất định. Ví dụ: Có xu hướng đề cao những giá trị kinh tế, nhưng cũng có xu hướng đề cao những giá trị về phẩm chất đạo đức, chính trị, xã hội.

Sinh viên là lứa tuổi đạt đến độ phát triển sung mãn của đời người. Họ là lớp người giàu nghị lực, giàu ước mơ và hoài bão. Tuy nhiên do quy luật phát triển không đồng đều về mặt tâm lý, do những điều kiện và hoàn cảnh sống và

giáo dục khác nhau, không phải bất cứ sinh viên nào cũng được phát triển ở mức độ tối ưu. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào những định hướng đúng đắn cũng như tính tích cực hoạt động của bản thân mỗi sinh viên. Ở giai đoạn này, sự chi phối của thế giới quan và nhân sinh quan đối với hoạt động của sinh viên đã thể hiện rõ rệt. Những sinh viên có sự nhìn nhận đúng đắn, khoa học về sự phát triển của thế giới tự nhiên, xã hội và con người sẽ có những kế hoạch đường đời phù hợp, có mục tiêu phấn đấu rõ ràng và thường trở thành những chuyên gia, trí thức hữu dụng cho bản thân, gia đình và xã hội trong tương lai [16, tr.159-160].

c. Hoạt động chính trị- xã hội là hoạt động đặc trưng của sinh viên

Sinh viên là tổ chức xã hội quan trọng của đất nước. Hội sinh viên ở các quốc gia khác nhau chiếm một vị trí đặc biệt trong hệ thống các tổ chức xã hội. Họ là những người có trí tuệ, nhạy bén, mẫn cảm đối với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia và quốc tế. Họ có chính kiến đối với đường lối, chủ trương, chính sách của tầng lớp cầm quyền. Do đó hoạt động chính trị- xã hội là nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên.

Lịch sử nhân loại và lịch sử đất nước đã cho ta thấy bao tấm gương sáng chói của những sinh viên trong công cuộc đấu tranh vì chính nghĩa, vì quyền lợi quần chúng nhân dân lao động. Tiếng nói và những động thái của tầng lớp sinh viên luôn mang tính chất chính trị- xã hội rõ rệt. Việc tham gia của họ vào các tổ chức chính trị, đoàn thể và xã hội như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội chữ thập đỏ,...vừa có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển nhân cách toàn diện của họ, vừa góp phần không nhỏ vào sự phát triển xã hội. Trong những năm gần đây, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh Niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam đã nêu quyết tâm phát động, làm hình thành và phát triển mạnh mẽ các phong trào sinh viên tình nguyện. Phong trào sinh viên tình nguyện đã thực sự có được những chuyển biến tích

cực, khơi dậy và phát huy được tối đa sức mạnh, khát vọng của tuổi trẻ, khẳng định được sức sống mãnh liệt của nó trong những điều kiện mới. HMNĐ là một trong những phong trào thu hút được sự quan tâm của đông đảo sinh viên trong cả nước.

1.2.2.3.3 Khái niệm động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

Từ phân tích các khái niệm trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa động cơ HMNĐ của sinh viên như sau:

Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ nhu cầu được hiến một phần máu của mình cho những người tính mạng đang bị đe dọa vì thiếu máu mà không đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào, thôi thúc chủ thể hành động tích cực nhằm thoả mãn mong nhu cầu đó của bản thân.

1.2.2.3.4 Sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội với phong trào hiến máu nhân đạo

Từ nhiều năm nay, phong trào HMNĐ ở trường ĐHLĐXH HN đã trở thành hoạt động mang tính truyền thống, được Ban Giám hiệu và đông đảo sinh viên nhiệt tình hưởng ứng. Chỉ tính từ năm 2003 đến nay, Trường đã vận động được gần 5.000 người đăng ký hiến máu, trong đó 2.500 lượt người đã trực tiếp hiến máu, thu được tổng lượng máu là 2.350 đơn vị, tương đương 580.000 ml máu. Để phong trào HMNĐ thực sự phát triển bền vững, trở thành nét đẹp truyền thống của nhà trường, cũng chính Đoàn trường đã thành lập riêng một Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng cũng như giải đáp mọi thắc mắc xung quanh vấn đề này. Từ đó phát triển phong trào ngày càng sâu rộng trong sinh viên, học sinh. Cùng với Đoàn Thanh niên, Ban Giám hiệu nhà trường cũng tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất cũng như kinh phí để phong trào HMNĐ ngày càng hoạt động hiệu quả hơn. Thầy Lê Thanh Hà, Phó Hiệu trưởng nhà trường, bày

tỏ: Hiến máu cứu người không chỉ là nghĩa cử cao đẹp mà còn là trách nhiệm của mỗi chúng ta, nhất là lớp thanh niên trẻ, được rèn luyện đầy đủ về thể chất và tri thức như các học sinh, sinh viên.

Mục đích cao cả khi tham gia hiến máu là để cứu chữa người bệnh. Tuy vậy, thông qua hành vi hiến máu sinh viên cũng được cung cấp thêm những hiểu biết đúng đắn về máu nói chung và HMNĐ nói riêng. Qua đó, họ hiểu được rằng ở cơ thể người khỏe mạnh, các thành phần của máu chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định, chúng luôn được thay thế nhờ vào quá trình sinh máu và cơ chế điều hoà sinh máu của cơ thể. Các tế bào máu được sinh ra bởi tủy xương nhằm thay thế cho các tế bào già bị mất đi, do đó HMNĐ trên cơ sở những hiểu biết khoa học về máu hoàn toàn có lợi cho sức khoẻ của cá nhân. Không những thế khi tham gia HMNĐ sinh viên được kiểm tra sức khoẻ (qua khám lâm sàng, xét nghiệm), được biết, giữ bí mật về kết quả khám và xét nghiệm, được tư vấn sức khoẻ miễn phí. Điều đó cũng có tác dụng tích cực phát triển động cơ HMNĐ ở sinh viên.

1.3 Một số yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

Động cơ HMNĐ của sinh viên chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Sau đây chúng tôi chỉ phân tích một số yếu tố chủ quan và khách quan chủ yếu ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên.

1.3.1 Yếu tố chủ quan

a. Sự phát triển ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng ở tuổi sinh viên.
Sinh viên là lứa tuổi mà thế giới quan của họ đang phát triển mạnh và dần ổn định. Tự ý thức, ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng phát triển mạnh ở tuổi thanh niên là yếu tố bên trong thúc đẩy sinh viên hành động vì cộng đồng. Ý thức trách nhiệm với cộng đồng làm cho sinh viên thấy rõ được ý nghĩa sâu sắc của các hoạt động từ thiện, tình nguyện. Ý thức trách nhiệm với cộng đồng, những giá trị về đạo đức, lễ sống là những yếu tố chủ quan ảnh

hướng tới định hướng giá trị, tới động cơ tham gia HMNĐ của sinh viên. Ngoài ra, với khả năng đánh giá người khác và tự đánh giá, sinh viên thường muốn được tìm hiểu sâu và tham gia vào cuộc sống xã hội để qua đó khẳng định mình. Một trong những hình thức tốt nhất để sinh viên tự khẳng định mình là thông qua các hoạt động xã hội mà HMNĐ là một trong số các hoạt động đó.

b. Sự phát triển của tình cảm đạo đức: “Thương người như thể thương thân” trong truyền thống dân tộc ở tuổi sinh viên. Do điều kiện địa lý và xã hội, trải qua hơn 4000 năm lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều trận thiên tai, địch họa ác liệt. Để tồn tại và phát triển, nhân dân Việt Nam đã từng bước rèn luyện cho mình một bản lĩnh bền bỉ, kiên cường vượt qua gian nan, thử thách và lối sống cộng đồng, nhân ái, thương yêu đùm bọc nhau. Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam có rất nhiều ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích biểu thị truyền thống quý báu này như: “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”, hay “Lá lành đùm lá rách”, v.v... Tình cảm đạo đức “thương người như thể thương thân” dường như được thường trực, sâu kín trong mỗi con người Việt Nam. Tình nguyện đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần của người khác cũng như cho cả cộng đồng đã trở thành một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của nhân dân Việt Nam nói chung và thanh niên sinh viên nói riêng. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, sinh viên luôn luôn có mặt ở những nơi đầu sóng ngọn gió của Tổ quốc với tinh thần của những người tình nguyện. Truyền thống tình nguyện, hy sinh những lợi ích nhỏ bé của bản thân để cống hiến cho cộng đồng đã làm nên đặc trưng và bản chất anh hùng của thế hệ trẻ mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Hai yếu tố trên ảnh hưởng mạnh mẽ tới động cơ HMNĐ của sinh viên, bên cạnh những yếu tố khác như:

1.3.2 Yếu tố khách quan

Có nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ. Tuy nhiên, yếu tố giáo dục (giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường- xã hội) là yếu tố có ảnh hưởng chủ đạo tới động cơ HMNĐ của sinh viên.

a. Giáo dục gia đình:

Gia đình là tế bào của xã hội. Gia đình chịu trách nhiệm đối với quá trình xã hội hóa ban đầu của cá nhân, ảnh hưởng đến việc hình thành phẩm chất, nhân cách gốc của trẻ. Nói như thế để thấy được vai trò của gia đình trong xã hội ngày nay, đặc biệt là trong vấn đề giáo dục đạo đức cho con cái. Truyền thống đạo đức của gia đình có ảnh hưởng sâu sắc và trực tiếp đến con cái. Trong gia đình, nếu ngay từ khi còn bé, trẻ đã được giáo dục các tình cảm đạo đức qua các câu chuyện cổ tích, qua các trò chơi như: Cho trẻ chơi với búp bê, dạy trẻ biết cảm thông với búp bê, biết vui cùng búp bê, biết đau buồn khi trót đánh ngã búp bê,...thì trẻ cũng sẽ ngấm dần tình cảm đạo đức “thương người như thể thương thân”. Trong gia đình cha mẹ luôn giáo dục con cái phải biết nhường nhịn nhau, anh chị em phải biết yêu thương nhau, biết đau cùng nỗi đau của người thân, biết vui cùng niềm vui của người thân. Những bài học đạo đức mà trẻ học được chính trong gia đình của mình sẽ ngấm dần góp phát triển tình cảm đạo đức của trẻ. Sự giáo dục tình cảm đạo đức đặc biệt là tình cảm “thương người như thể thương thân”, hành vi “sẵn sàng cứu giúp người khó khăn, hoạn nạn” từ gia đình đến nhà trường cứ phát triển liên tục sẽ tạo nên tình cảm đạo đức sâu sắc ở trẻ. Nếu gia đình không có các biện pháp giáo dục phù hợp thì trẻ dễ thành người ích kỉ, chỉ biết đến lợi ích của bản thân.

Ngay từ khi lọt lòng, trẻ đã được chăm sóc, nuôi dạy cùng với những người thân yêu trong gia đình. Số thời gian trẻ sống ở gia đình cũng nhiều hơn ở trường, do vậy, mối quan hệ ông bà, cha mẹ, anh chị em có ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm của trẻ. Khi trẻ được sống trong một gia đình nề nếp, có

những giá trị đạo đức của xã hội được ông bà, cha mẹ và anh chị em lựa chọn, điều này sẽ tác động trực tiếp, thường xuyên, lâu dài và mạnh mẽ đến các em. Do vậy các em dễ dàng tiếp nhận và thực hiện những quy tắc đạo đức, chuẩn mực hành vi một cách tự nguyện. Gia đình rất quan trọng trong việc hình thành tình cảm đạo đức, lối sống cho con cái. Sự quan tâm chăm sóc, dạy dỗ, ân cần chỉ bảo của cha mẹ tác động rất nhiều đến con trẻ. Ví dụ như cha mẹ thường xuyên dạy trẻ giúp đỡ, cứu mang những người bất hạnh ... thì nhất định tình cảm đạo đức “thương người như thể thương thân” của đứa trẻ sẽ được phát triển. Nhận thức được vấn đề này, mới thấy tầm quan trọng, sự ảnh hưởng của gia đình với việc hình thành nên đạo đức lối sống cho các em. Tuy nhiên ngày nay, nhiều gia đình, đặc biệt là các gia đình thành phố lại không coi trọng chuyện này, vô hình chung cha mẹ đã dạy con cái lối sống không quan tâm đến những người xung quanh...

Qua một vài phân tích trên đây có thể nhận thấy, vai trò của gia đình là rất quan trọng trong việc giáo dục tình cảm đạo đức cho con cái. Truyền thống văn hóa, đạo đức gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách của các em. Khi gia đình coi trọng việc dạy dỗ đạo đức cho con cái sẽ giúp trẻ phát triển được tình cảm đạo đức của mình.

b. Giáo dục nhà trường và xã hội

Giáo dục của nhà trường có tác động rất lớn đến việc hình thành tình cảm và hành vi đạo đức cho trẻ. Nếu trong nhà trường chỉ quan tâm phát triển trí thông minh mà quên mất phát triển tình cảm đạo đức thì có thể đứa trẻ sẽ thông minh, tài giỏi nhưng có nguy cơ trở thành con người hung hãn, tàn bạo, đã man với những người xung quanh. Nếu nhà trường chú trọng và có các biện pháp giáo dục tình cảm đạo đức phù hợp thì sẽ tạo nên nhân cách tích cực ở trẻ.

Ngay từ khi bước chân vào lớp 1 trẻ đã được học môn đạo đức, lên cấp 2, cấp 3 là môn giáo dục công dân. Các bài học đó chứa đựng nội dung giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho trẻ. Không những thế nhà trường các cấp còn tích cực trong việc tổ chức các hoạt động nhân đạo để giáo dục và khơi dậy tình cảm đạo đức của trẻ như: chăm lo mộ liệt sĩ, các phong trào kế hoạch nhỏ, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ đồng bào lũ lụt,...Càng lên các cấp học cao hơn thì quy mô của các phong trào tình nguyện càng lớn. Các hoạt động đó là những bài học đạo đức sinh động, thúc đẩy sự phát triển nhân cách đạo đức ở trẻ.

Giáo dục tình cảm đạo đức, ý thức trách nhiệm, lối sống lành mạnh cho sinh viên không chỉ nói suông mà nói phải đi đôi với việc làm mới tạo được niềm tin và tình cảm ở họ. Do đó, Nhà trường mà đặc biệt là Đoàn Thanh Niên, Hội Sinh viên cần tăng cường triển khai các hoạt động có ý nghĩa giáo dục sinh viên như: thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng... qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên.

Trong những năm qua, trường ĐHLĐXHHN đã tổ chức nhiều hoạt động xã hội cho sinh viên: Mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, HMNĐ,...Trong đó sôi nổi nhất là hoạt động HMNĐ. Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên là những đơn vị quản lý, đưa ra định hướng, tổ chức hoạt động HMNĐ của sinh viên. Việc tạo những điều kiện để sinh viên có thể thoả mãn cao nhất động cơ của mình sẽ góp phần phát triển động cơ HMNĐ của sinh viên.

Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường Đại học Lao động Xã hội tiền thân là trường Trung học Lao động Tiên lương thuộc Bộ Lao động thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiên lương cho toàn miền bắc. Tháng 1/ 2005 trường trở thành trường Đại học Lao động – Xã hội. Ngày 01/3/2005 Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ký Quyết định số 155/QĐ-LĐTBXH quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Lao động – Xã hội. Đến năm 2007, Trường có bước phát triển mới: Sát nhập trường Kỹ nghệ I thuộc Tổng cục Dạy nghề thành Cơ sở Sơn Tây và trường Trung học Lao động – Xã hội Tp. Hồ Chí Minh thành Cơ sở 2 thuộc trường. Vì vậy, Ngày 24/4/2007 Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội ra Quyết định số 538/QĐ-LĐTBXH quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Lao động – Xã hội. Trường Đại học Lao động - Xã hội chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục - Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Điều hành hoạt động của Trường Đại học Lao động - Xã hội là Hiệu trưởng; giúp việc cho Hiệu trưởng có các Phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hệ thống cơ cấu tổ chức trường Đại học Lao động - Xã hội bao gồm

1. Hiệu trưởng.
2. Các Phó hiệu trưởng.
3. Các Hội đồng.
4. Các phòng ban chức năng.
5. Các khoa, bộ môn trực thuộc.

6. Trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, trung tâm thông tin- Thư viện và các tổ chức sự nghiệp phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

7. Các tổ chức đoàn thể.

Trong những năm qua, trường Đại học Lao động – Xã hội là một trong những Trường có thí sinh đăng ký dự thi và xét tuyển đầu vào đông nhất trong các trường Đại học/Cao đẳng trong toàn quốc. Các ngành đào tạo của trường: Công tác xã hội, bảo hiểm xã hội, quản trị nhân lực, kế toán. Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa học vừa làm; Liên thông; Liên kết. Quy mô tuyển sinh: 1500 SV/năm. Lưu lượng sinh viên trong trường tại thời điểm tháng 2 năm 2009 là 5200 sinh viên.

2.1 Tổ chức nghiên cứu

2.1.1 Tổ chức nghiên cứu lý luận

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về động cơ, HMNĐ, sinh viên,... từ đó xây dựng hệ thống khái niệm công cụ dưới góc độ tâm lý học cho việc nghiên cứu đề tài, đó là các khái niệm: Động cơ, HMNĐ, sinh viên, động cơ HMNĐ của sinh viên.

- Nội dung nghiên cứu lí luận: Nghiên cứu những tài liệu trong và ngoài nước về có liên quan tới đề tài nghiên cứu động cơ HMNĐ của sinh viên

2.1.2 Khách thể nghiên cứu.

- 300 sinh viên đã HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN, bao gồm:

+ Giới tính: 130 nam sinh viên và 170 nữ sinh viên

+ Khối lớp: 100 sinh viên năm thứ nhất, 100 sinh viên năm thứ hai, 100 sinh viên năm thứ ba

- 03 cán bộ Đoàn, Hội trực tiếp lãnh đạo phong trào HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN

- 10 sinh viên là thành viên Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ trường ĐHLĐXHHN

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Mục đích của các phương pháp nghiên cứu được chúng tôi lựa chọn sử dụng là để thu thập những số liệu cần thiết cho việc xác định rõ thực trạng động cơ HMNĐ của sinh viên, một số yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên.

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

2.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

2.2.1.1 Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Chúng tôi đã tìm đọc, phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Từ đó xác định nội dung của các khái niệm cơ bản, xây dựng cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu đồng thời định hướng cho việc xây dựng bảng hỏi (dùng trong phương pháp điều tra bằng bảng hỏi) và bảng hỏi bán cấu trúc phục vụ cho phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân.

2.2.1.2 Phương pháp chuyên gia

Chúng tôi hỏi ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học, hiến máu, tham khảo các ý kiến của các Giảng viên trong việc định hướng mảng đề tài, chọn đề tài nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu cho đề tài.

2.2.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

2.2.2.1 Phương pháp điều tra bằng hỏi

- Mục đích: Qua hệ thống câu hỏi được thiết kế, phương pháp này nhằm chỉ ra động cơ chủ yếu cũng như một số yếu tố ảnh hưởng đến động cơ HMNĐ của sinh viên.

- Nội dung: Bảng hỏi dành cho sinh viên gồm có 10 câu hỏi trong đó bao gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi kết hợp. Nội dung bảng hỏi nhằm khảo sát thực tiễn ở các mặt:

- + Nhận thức của sinh viên đối với việc HMNĐ: Câu 2, câu 3
- + Xúc cảm của sinh viên đối với việc HMNĐ: Câu 4
- + Hành vi của sinh viên đối với việc HMNĐ: Câu 1, câu 5
- + Động cơ chủ đạo thúc đẩy sinh viên HMNĐ: Câu 6
- + Những yếu tố ảnh hưởng đến động cơ HMNĐ của sinh viên: Câu 7, câu 8, câu 9
- + Thông tin khách thể: Câu 10
- Tiêu chí đo và cách lượng hoá:
- + Trong luận văn phần lớn các câu hỏi đều dùng thang đo Likert 5 bậc và được quy ước khi lượng hoá như sau:

Mức độ	Điểm
Hoàn toàn không đồng tình, hoàn toàn không quan trọng, hoàn toàn không có, hoàn toàn không làm, hoàn toàn không ảnh hưởng	1
Không đồng tình nhiều hơn, thường không có nhiều hơn, thường không làm nhiều hơn, yếu nhiều hơn mạnh	2
Đồng tình nhiều hơn, thường có nhiều hơn, thường làm nhiều hơn, mạnh nhiều hơn yếu	3
Quan trọng, đồng tình, thường xuyên, bình thường	4
Rất quan trọng, rất đồng tình, rất thường xuyên, rất mạnh mẽ	5

+ Chia khoảng cho các giá trị với công thức: Giá trị lớn nhất trừ giá trị nhỏ nhất, được bao nhiêu chia cho 5: $\frac{5-1}{5} = 0.8$

Khoảng điểm	Mức độ
1 – 1.8	Rất thấp
1.81 – 2.6	Thấp
2.61 – 3.4	Trung bình

3. 41– 4.2	Cao
4.21- 5	Rất cao

- Trình tự tiến hành:

+ Giai đoạn xây dựng bảng hỏi: Để xây dựng bảng hỏi cho phép đo được chính xác thực trạng động cơ HMNĐ của sinh viên, chúng tôi xin ý kiến của chuyên gia, đọc tài liệu liên quan tới động cơ, HMNĐ. Đồng thời chúng tôi tiến hành đi thực tế tại các điểm HMNĐ để tìm hiểu thông tin của các sinh viên tham gia HMNĐ và tìm hiểu thông tin về hoạt động HMNĐ của sinh viên thông qua các cán bộ Đoàn, Hội trực tiếp lãnh đạo phong trào HMNĐ, các sinh viên là thành viên Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ. Trên cơ sở các thông tin thu được, chúng tôi tiến hành xây dựng bảng hỏi nhằm đo thực trạng động cơ HMNĐ, những yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên.

+ Giai đoạn khảo sát thử:

Mục đích: Nhằm chỉnh sửa những câu hỏi không đạt yêu cầu, sai sót trong khi đặt câu hỏi, trong cách dùng từ...trong bảng hỏi cho phù hợp với khách thể nghiên cứu.

Số khách thể: Điều tra thử 20 sinh viên đã tham gia HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN.

Việc điều tra thử sẽ giúp chúng tôi có được những dữ liệu cần thiết để trên cơ sở đó chỉnh sửa bảng hỏi để xây dựng bảng hỏi chính thức.

Sau khi chỉnh sửa, bảng hỏi được dùng để điều tra chính thức trên khách thể là 300 sinh viên thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.

+ Điều tra chính thức:

Tiến hành điều tra tại trường ĐHLĐXHHN với đối tượng là 300 sinh viên đã tham gia HMNĐ.

2.2.2.2 Phương pháp phỏng vấn sâu.

- Mục đích: Chúng tôi tiến hành phương pháp phỏng vấn sâu nhằm khai thác sâu hơn những điều quan trọng của đề tài mà bảng hỏi không đủ để khai thác.

- Nội dung: Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu tự do tuy nhiên chúng tôi cũng đã chuẩn bị sẵn những câu hỏi sao cho phỏng vấn không đi chệch hướng đề tài cần khai thác nhưng vẫn linh động theo hoàn cảnh phỏng vấn sao cho thu thập được nhiều thông tin phù hợp nhất với đề tài nghiên cứu.

Phiếu phỏng vấn sâu gồm 2 loại: Phiếu phỏng vấn sâu dành cho sinh viên và phiếu phỏng vấn sâu dành cho cán bộ Đoàn, Hội (nội dung phiếu phỏng vấn sâu đính kèm phụ lục của luận văn này).

- Khách thể:

+ Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu 09 sinh viên trường ĐHLĐXHHN đã HMNĐ.

+ Chúng tôi cũng phỏng vấn sâu 03 cán bộ Đoàn, Hội trực tiếp lãnh đạo phong trào HMNĐ của nhà trường.

- Nguyên tắc phỏng vấn sâu: Trước khi tiến hành phỏng vấn sâu, chúng tôi dành thời gian ban đầu để làm quen, thiết lập mối quan hệ ban đầu tích cực với khách thể. Địa điểm phỏng vấn chủ yếu ở trên lớp (trước giờ vào lớp hoặc trong giờ nghỉ giải lao). Mỗi lần phỏng vấn diễn ra từ 05 đến 10 phút. Chúng tôi đưa ra các câu hỏi mở để sinh viên, cán bộ Đoàn, Hội trả lời theo ý kiến riêng của bản thân, không tạo ra bất kì sự gò bó nào từ nhà nghiên cứu.

Trong quá trình phỏng vấn, chúng tôi sử dụng máy ghi âm (nếu được sự đồng ý của khách thể) và hình thức ghi chép nhanh những thông tin mà khách thể cung cấp.

2.2.2.3 Phương pháp mô tả chân dung tâm lý

- Mục đích: Nhằm minh họa cho kết quả nghiên cứu đại trà (được thực hiện qua các phương pháp nghiên cứu đã mô tả ở trên) bằng chân dung tâm lý của

hai trường hợp điển hình (một có động cơ hiến máu phát triển ở trình độ cao; một có động cơ hiến máu phát triển ở trình độ thấp).

“Nguyên vật liệu” dùng để mô tả chân dung tâm lý này chúng tôi thu được bằng phỏng vấn sâu đối tượng kết hợp với những thông tin bản thân người đó cung cấp qua trả lời bảng câu hỏi khi chúng tôi điều tra đại trà (chung cho tất cả các khách thể khác). Phỏng vấn sâu đối tượng tập trung vào khai thác những thông tin sau:

- Thông tin về hoàn cảnh gia đình đặc điểm nổi bật về nhu cầu, tình cảm, thái độ, ước mơ, hoài bão thời thơ ấu cho tới khi là sinh viên
- Thông tin về sự giáo dục của gia đình, nhà trường về tình cảm đạo đức “thương người như thể thương thân”, hành vi “sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn”.
- Thông tin về những rào cản tâm lý của cá nhân, gia đình và xã hội khi tiến hành HMNĐ.
- Thông tin về những yếu tố đã ảnh hưởng tới hành vi HMNĐ; thông tin về những hình thức tuyên truyền đã ảnh hưởng tích cực tới hành vi HMNĐ.
- Thông tin về những khó khăn, những trải nghiệm, tâm trạng và ý chí quyết tâm; thông tin về những ý nghĩ độc đáo, sáng tạo trong quá trình vượt qua khó khăn; thông tin về những tâm trạng khi tham gia HMNĐ
- Thông tin về nhận thức tầm quan trọng của HMNĐ đối với bản thân, gia đình và xã hội.
- Thông tin về kết quả của những hành động trong thời gian qua, những thông tin về ảnh hưởng của việc làm của bản thân tới những sinh viên khác
- Những bài học cá nhân tự rút ra từ việc làm của mình trong thời gian qua; những dự kiến tiếp tục phát triển hành động HMNĐ trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị đối với các cơ quan hữu quan nhằm nâng cao hành vi HMNĐ của sinh viên.

2.2.2.4 Phương pháp thảo luận nhóm có điều khiển

- Mục đích: Thu thập thông tin góp phần khẳng định động cơ chủ yếu của hành động HMNĐ, các yếu tố ảnh hưởng tới hành động HMNĐ của sinh viên trường ĐHLĐXHHN.

- Khách thể: 14 thành viên của Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ trường ĐHLĐXHHN. Thảo luận được tiến hành trong 2 buổi.

Trong quá trình thảo luận, chúng tôi sử dụng máy ghi âm và ghi chép nhanh những thông tin mà khách thể cung cấp.

2.2.2.5 Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Phương pháp này được sử dụng để xử lý, phân tích, đánh giá các kết quả thu thập được bằng các phương pháp nêu trên.

Chúng tôi sử dụng chương trình thống kê SPSS 16.0 để xử lý kết quả thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Cụ thể là:

- Tính tần suất, phần trăm kết quả thu được

- Sử dụng một số các đại lượng thống kê: Giá trị trung bình, Độ lệch chuẩn và Hệ số tương quan Pearson (r) (nhằm chỉ rõ mức độ có quan hệ hay không quan hệ của 2 biến nào đó).

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

3.1 Động cơ hiến máu nhân đạo chủ yếu của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội

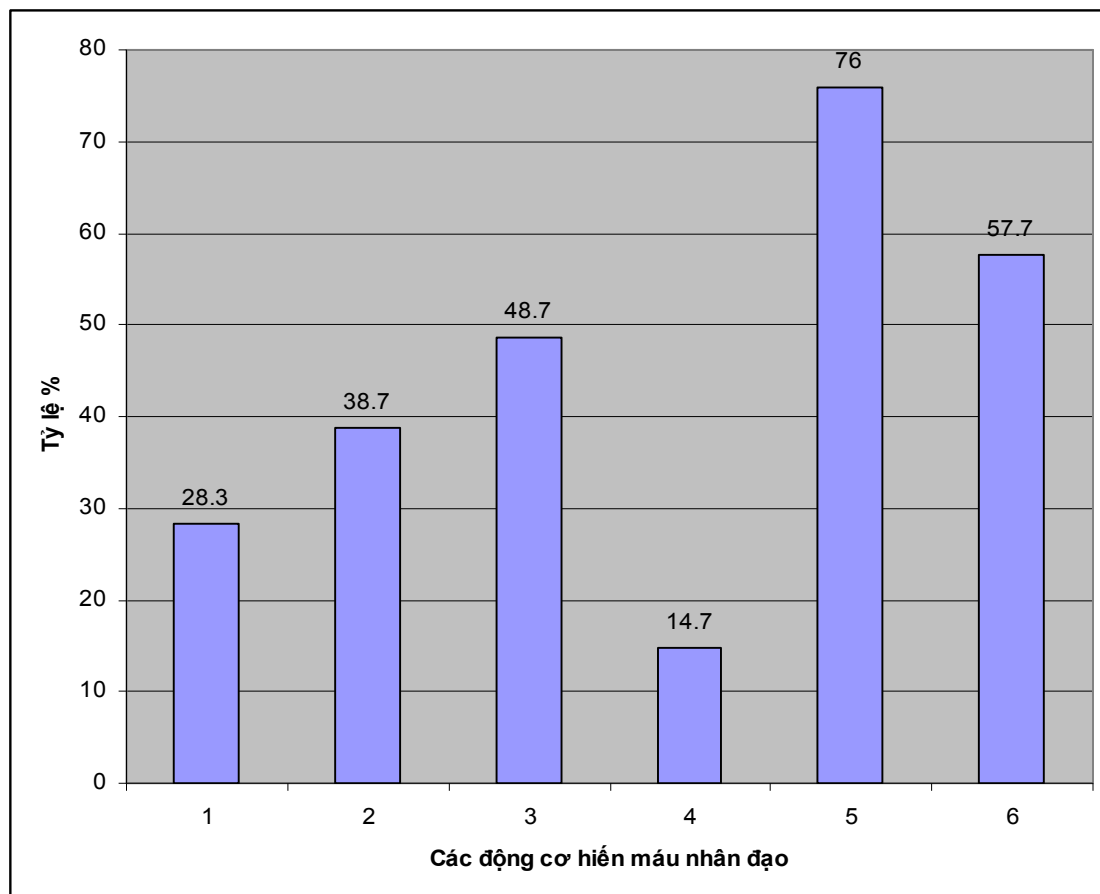
Một hoạt động được thúc đẩy bởi nhiều động cơ khác nhau, trong đó có động cơ thúc đẩy chủ yếu. Do đó trước hết chúng tôi đi sâu tìm ra động cơ HMNĐ chủ yếu (động cơ được nhiều sinh viên lựa chọn nhất) của sinh viên trường ĐHLĐXH HN.

Nhằm tìm hiểu động cơ HMNĐ chủ yếu của sinh viên, chúng tôi đưa ra câu hỏi: “Sau đây là động cơ HMNĐ của một số sinh viên khác nhau. Bạn vui lòng cho biết những động cơ nào có ở bạn, những động cơ nào không có ở bạn?” (câu hỏi 6). Sau khi xử lý số liệu, chúng tôi thu được kết quả sau đây:

Bảng 3.1: Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

STT	Những động cơ hiến máu nhân đạo khác nhau của sinh viên	Động cơ có ở bạn		Động cơ không có ở bạn		Thứ bậc
		Số lượng (SL) (người)	Tỷ lệ (TL) (%)	SL (người)	TL (%)	
1	Tô điểm thêm(làm đẹp) cho lí lịch cá nhân	85	28.3	215	71.7	5
2	Khẳng định mình không thua kém ai về lòng nhân ái	116	38.7	184	61.3	4
3	Đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của những người thân, của tổ chức Đoàn, Hội về mình	146	48.7	154	51.3	3
4	Vừa được tiếng là người có lòng nhân ái lại vừa có tiền tiêu	44	14.7	256	85.3	6
5	Vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng	228	76	72	24	1

6	Đề phòng sau này mắc bệnh hiểm nghèo cần đến máu còn có cơ hội được nhận máu miễn phí	173	57.7	127	42.3	2
---	---	-----	------	-----	------	---



Biểu đồ 3.1: Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên

Ghi chú:

- 1: Tô điểm thêm (làm đẹp) cho lí lịch cá nhân
- 2: Khẳng định mình không thua kém ai về lòng nhân ái
- 3: Đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của những người thân, của tổ chức Đoàn, Hội về mình
- 4: Hiến máu để được tiền bồi dưỡng
- 5: Vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng

6: Đề phòng sau này mắc bệnh hiểm nghèo cần đến máu còn có cơ hội được nhận máu miễn phí.

Nhìn vào kết quả ta thấy: Tất cả các động cơ đưa ra đều có tác động tới quyết định HMNĐ của sinh viên, nhưng ở những tỷ lệ lựa chọn khác nhau. Trong đó, động cơ “vì sự sống của những người bệnh đang thiếu máu trầm trọng” là động cơ chủ yếu thúc đẩy họ đi HMNĐ, thứ bậc 1, tuy nhiên tỉ lệ sinh viên lựa chọn động cơ này cũng chỉ chiếm 76%. Tiếp đến là động cơ “đề phòng sau này mắc bệnh hiểm nghèo cần đến máu còn có cơ hội được nhận máu miễn phí” chiếm 57.7%, thứ bậc 2. Động cơ có tỷ lệ khách thể lựa chọn cao thứ ba là động cơ “đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của người thân, của tổ chức Đoàn, Hội về mình”. Động cơ “hiến máu để được tiền bồi dưỡng” có tỷ lệ khách thể lựa chọn thấp nhất, chỉ chiếm 14.7% trong tổng số 300 khách thể được hỏi, thứ bậc 6.

Khi thảo luận nhóm với các thành viên của Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ, kết quả chúng tôi thu được cũng tương tự như kết quả trên. Những người tham gia thảo luận đều nhất trí cho rằng: Sinh viên HMNĐ với nhiều động cơ khác nhau như: Hiến máu để được khám và tư vấn sức khỏe miễn phí, hiến máu vì muốn nhận quà và tiền bồi dưỡng, hiến máu do tò mò, bị bạn bè rủ rê lôi kéo, không muốn mình bị lẻ loi trong phong trào chung, muốn thể hiện bản thân, hiến máu vì muốn có giấy chứng nhận để sau này ra trường dễ xin việc, hiến máu để có cơ hội nhận máu miễn phí, hiến máu vì sự sống của người bệnh, song HMNĐ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu là động cơ chủ yếu thôi thúc sinh viên HMNĐ.

Bạn V.V.H (sinh viên năm thứ 2, khoa QL) khi được hỏi về động cơ HMNĐ đã nói: “*Khi tham gia HMNĐ em được hưởng không ít quyền lợi, tuy nhiên em đi hiến máu chỉ đơn giản vì muốn cứu sống những người bệnh đang thiếu máu. Hàng ngày, hàng giờ có rất rất nhiều người bệnh đang cần đến máu để*

duy trì sự sống mà số lượng máu hiện tại chỉ đủ cho một số lượng ít người. Em muốn cống hiến một phần nhỏ máu của mình để có thể cứu giúp cho người bệnh có thể sống lâu hơn nữa”.

Chị N. H. C (phó bí thư Đoàn trường) cho chúng tôi biết thêm: *“Sinh viên tích cực tham gia HMNĐ với nhiều động cơ khác nhau. Có những bạn vì quyền lợi vật chất, có những bạn do bạn bè rủ rê lôi kéo, có những bạn chỉ vì tò mò, muốn chứng tỏ bản thân, có bạn muốn biết tình trạng sức khoẻ bản thân...nhưng đó chỉ là những động cơ thứ yếu, HMNĐ là một hoạt động tự nguyện, trước tiên các bạn đến với HMNĐ bằng tinh thần tình nguyện, bằng tinh thần nhân đạo vì sự sống của con người đang mắc bệnh, đây chính là động cơ chủ yếu khi các bạn tham gia HMNĐ”.*

Như vậy, sinh viên trường ĐHLĐXHHN đã thực hiện hành vi HMNĐ với động cơ chủ yếu là: động cơ “ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng”, tuy nhiên tỉ lệ sinh viên lựa chọn động cơ này cũng chưa cao, mới chỉ chiếm nhất: 76% sinh viên lựa chọn. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết ban đầu chúng tôi đưa ra.

3.2 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội

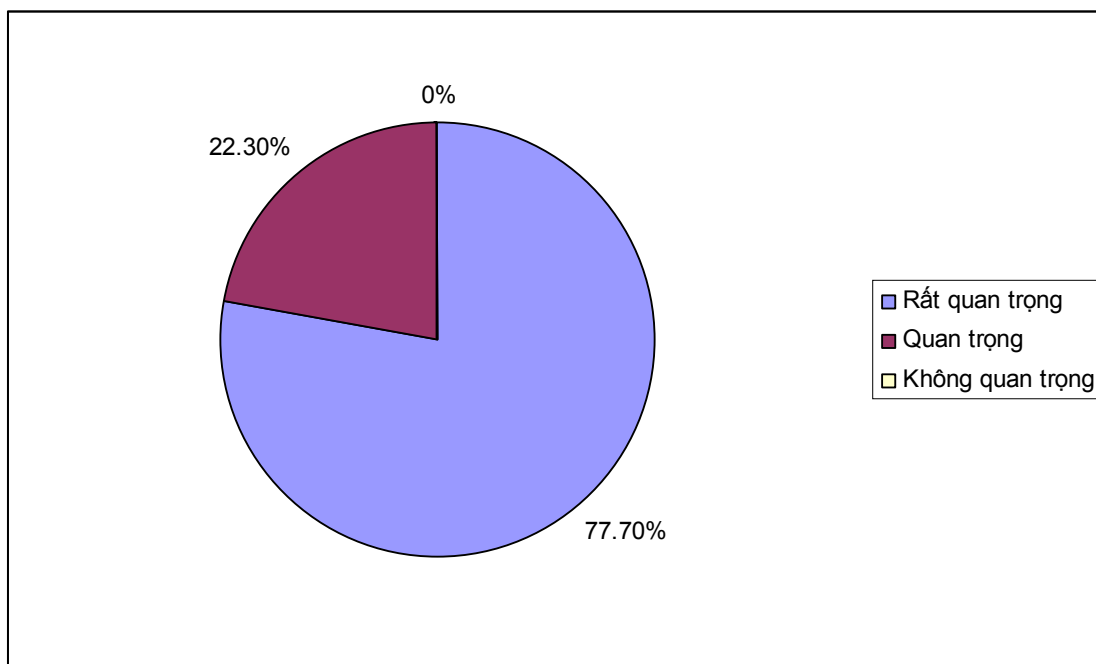
Như đã trình bày ở phần cơ sở lý luận, động cơ hoạt động của con người được biểu hiện ở ba mặt: Nhận thức, xúc cảm, hành vi, tuy nhiên ba mặt này không tách rời nhau mà tác động qua lại với nhau, làm thành một thể thống nhất trong động cơ hoạt động của con người. Vấn đề là ở chỗ cần làm sáng tỏ thực trạng các mặt biểu hiện này trong động cơ thúc đẩy hoạt động của con người (trong thực tế hàng ngày).

3.2.1 Động cơ hiến máu nhân đạo thể hiện ở mặt nhận thức

Trước tiên, mặt nhận thức của động cơ HMNĐ được thể hiện ở nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc HMNĐ. Để tìm hiểu nhận thức của sinh

viên về tầm quan trọng của hành động HMNĐ chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: “Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của hành động HMNĐ?” (câu 2).

Kết quả thu được như sau:



Biểu đồ 3.2: Tầm quan trọng của hành động HMNĐ

Nhìn vào biểu đồ 3, ta thấy:

Có 233 trong tổng số 300 sinh viên (chiếm 77.7%) đánh giá hành động HMNĐ có vai trò “rất quan trọng”, 22.3% sinh viên còn lại đánh giá hành động HMNĐ có vai trò “quan trọng”. Các khách thể được hỏi đã cho rằng hành động HMNĐ có vai trò rất quan trọng đối với xã hội và chính bản thân người hiến máu. Hiện nay ở Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu về máu trong khi đó hàng ngày hàng giờ có rất nhiều người cần đến máu để duy trì sự sống. Chỉ với 250ml- 350ml/ một lần hiến máu, mỗi người đã có thể góp phần cứu sống ba người kém may mắn. Hiến máu cứu người là một nghĩa cử tốt đẹp, thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc, lượng máu thu được không chỉ tạo thêm cơ hội sống cho nhiều người mà qua các hành động

đó còn góp phần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho thanh niên. Bạn V.N.T (sinh viên năm thứ nhất, khoa BH) cho biết: *“HMND giúp giảm tình trạng thiếu máu trong xã hội, giúp xã hội biết sống vì nhau hơn và gắn bó người với người”*. Những sinh viên khác cũng có những nhận thức và hiểu biết hết sức đúng đắn về hành động HMND với một tình cảm hết sức xã hội- cụ thể: *“HMND giúp giảm tình trạng thiếu máu trong xã hội, giúp xã hội biết sống vì nhau hơn”, “thông qua HMND em có thể giúp ích được cho nhiều người, chia sẻ nỗi đau với nhiều người, chứng minh được cho mọi người thấy hiến máu không có hại và giúp phong trào hiến máu phát triển sâu rộng trong xã hội”, “thể hiện tinh thần nhân đạo vốn có của người Việt, hun đúc tinh thần đoàn kết trong xã hội”,...*

Đối với bản thân người đi hiến máu, hành động HMND không những có lợi cho sức khoẻ mà còn thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của bản thân đến cộng đồng, thể hiện ý nghĩa và giá trị tinh thần vô cùng to lớn. Bạn N.A.T (sinh viên năm thứ nhất, khoa KT) đã cho chúng tôi biết: *“HMND có vai trò rất quan trọng đối với bản thân em. Qua đó em có thể cứu giúp, mang lại sự sống, niềm vui cho nhiều người kém may mắn, đó là đóng góp nhỏ nhoi em có thể làm cho cộng đồng, xã hội. Tuổi trẻ sống là để cống hiến”*. Cũng cùng nhận thức đúng đắn, tất cả các sinh viên trả lời câu hỏi đều chung các ý kiến: *“Hiến máu để biết nhóm máu, được khám và tư vấn sức khoẻ miễn phí”, “HMND mang lại cho em cảm giác hạnh phúc vì đã làm được một việc tốt cho người khác, em cảm thấy rất tự hào”, “em cảm thấy rất vinh dự tự hào khi biết máu của mình có thể cứu sống người bệnh, em cảm thấy mình là người có ích, điều đó rất quan trọng với em”, “hành động này giúp em thoả mãn được mong muốn làm nhân đạo, có cơ hội cống hiến cho xã hội”, HMND giúp em hoà mình hơn với cuộc sống xã hội, là cơ hội để thực hiện trách nhiệm với xã hội”*. Bạn N.T.H (sinh viên năm thứ hai, khoa BH) cho biết: *“HMND rất quan*

trọng với bản thân em, qua đó em thấy mình có ích cho người khác, có ý nghĩa hơn trong xã hội, cảm thấy mình sống có ý nghĩa hơn, yêu bản thân mình hơn khi chia sẻ sự sống cho người khác và biết đâu sau này em cần đến máu cũng sẽ có người khác chia sẻ máu với em. Thật sự cảm thấy mình là một người tốt và được sống một cuộc sống thật sự ý nghĩa”.

Sinh viên đánh giá rất cao ý nghĩa và tầm quan trọng của hành động HMNĐ đối với bản thân và xã hội, để làm sáng tỏ hơn nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc HMNĐ, chúng tôi đã hỏi sinh viên: “Sau đây là ý kiến của một số sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của hành động HMNĐ đối với bản thân và xã hội. Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng tình của bạn đối với từng ý kiến đó?”

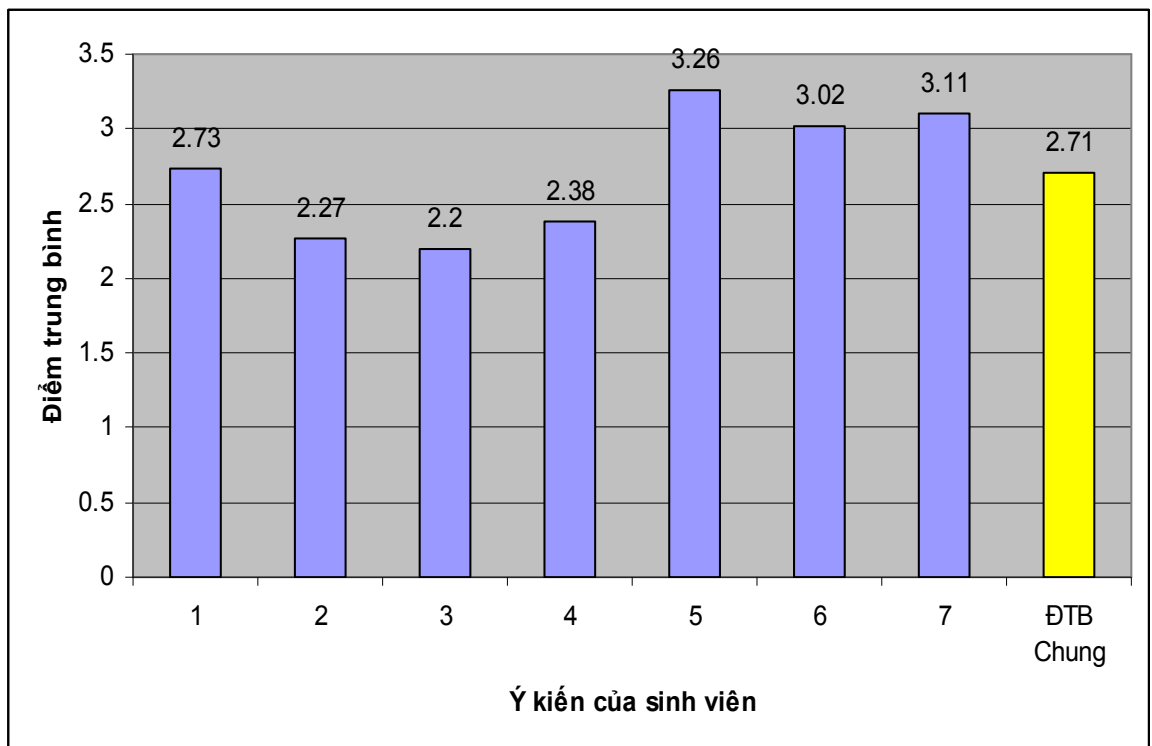
Kết quả chúng tôi thu được như sau:

Bảng 3.2: Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc hiến máu nhân đạo

Stt	Ý kiến của một số sinh viên	Mức độ đồng tình										ĐTB
		Rất đồng tình		Đồng tình		Đồng tình nhiều hơn		Không đồng tình nhiều hơn		Hoàn toàn không đồng tình		
		SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	
1.	Nếu không HMNĐ tôi sẽ không có giấy chứng nhận, mà hiện nay tôi lại rất cần nó	67	22.3	54	18	10	3.3	70	23.3	99	33	2.73
2.	Nếu không HMNĐ thì tôi không khẳng định được trước bạn	21	7	47	15.7	54	18	48	16	130	43.3	2.27

	bè rằng tôi không thua kém gì họ											
3.	Nếu không HMNĐ thì tôi không làm người yêu và những người thân khác hài lòng	25	8.3	47	15.7	37	12.3	47	15.7	144	48	2.2
4.	Nếu không HMNĐ tôi sẽ không được hưởng số tiền bồi dưỡng ăn nhẹ, chi phí đi lại, quà tặng, tổng cộng là 130.000đ cho một lần hiến máu. Trong khi đó ở thời điểm hiện	39	13	53	17.7	25	8.3	50	16.7	133	44.3	2.38
5.	Tôi hiến máu vì muốn tạo cơ hội được sống cho người mắc bệnh hiểm nghèo đang cần máu	71	23.7	68	22.7	60	20	72	24	29	9.7	3.26
6.	Nếu không HMNĐ tôi không có cơ hội được kiểm tra và tư vấn sức khoẻ miễn phí	33	11	93	31	60	20	75	25	39	13	3.02
7.	Bây giờ còn khoẻ không đi HMNĐ, nhỡ khi ốm đau cần đến máu sẽ không có cơ hội được nhận	51	17	89	29.7	47	15.7	70	23.3	43	14.3	3.11

máu miễn phí											
ĐTB chung											2.71



Biểu đồ 3.3: Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc hiến máu nhân đạo

Nhìn chung, đại đa số sinh viên trường ĐHLĐXHHN đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc HMNĐ. Trong đó, các cảm xúc hướng tới xã hội như: “Tôi hiến máu vì muốn tạo cơ hội được sống cho người mắc bệnh hiểm nghèo đang cần máu”, “nếu không HMNĐ tôi không có cơ hội được kiểm tra và tư vấn sức khoẻ miễn phí”, “bây giờ còn khoẻ không đi HMNĐ, nhờ khi ốm đau cần đến máu sẽ không có cơ hội được nhận máu

miễn phí” là những ý kiến được sinh viên đồng tình nhiều nhất nhưng nhìn chung tỷ lệ sinh viên lựa chọn cũng không cao chỉ dao động từ 62% đến 66.4%. Trong đó: “Tôi hiến máu vì muốn tạo cơ hội được sống cho người mắc bệnh hiểm nghèo đang cần máu” là ý kiến được sinh viên đồng tình cao nhất nhưng tỷ lệ sinh viên lựa chọn cũng chỉ chiếm 66.4%.

Ngược lại, “nếu không HMNĐ thì tôi không làm người yêu và những người thân khác hài lòng”, “nếu không HMNĐ tôi sẽ không được hưởng số tiền bồi dưỡng ăn nhẹ, chi phí đi lại, quà tặng, tổng cộng là 130.000đ cho một lần hiến máu. Trong khi đó ở thời điểm hiện tại tôi rất cần đến nó”, “nếu không HMNĐ tôi không khẳng định được trước bạn bè rằng tôi không thua kém gì họ”, “nếu không HMNĐ tôi sẽ không có giấy chứng nhận mà hiện nay tôi lại rất cần nó” là những ý kiến được sinh viên lựa chọn không đồng tình cao nhất với tỉ lệ sinh viên lựa chọn dao động từ 56.3% đến 63.7%. Đây là những ý kiến phản ánh các giá trị hướng vào chính bản thân sinh viên. Đối với sinh viên những yếu tố này chỉ là thứ yếu và thường không có trong động cơ HMNĐ của mình. Cụ thể như kết quả đã phân tích ở bảng 3.1: Khi được hỏi về động cơ HMNĐ 85.3% sinh viên không hiến máu vì động cơ được nhận tiền bồi dưỡng, 61.3% sinh viên hiến máu không phải vì muốn “khẳng định mình không thua kém ai về lòng nhân ái”, trong khi đó 76% sinh viên cho rằng “vì sự sống người bệnh đang thiếu máu trầm trọng” là động cơ chủ yếu thôi thúc họ tham gia HMNĐ.

Chị L. H. T (ủy viên BCH đoàn trường Lao động Xã hội) đã cho chúng tôi biết thêm: *“Sinh viên tích cực tham gia phong trào HMNĐ xuất phát từ nhiều động cơ khác nhau cả về vật chất lẫn tinh thần nhưng trước tiên phải nói rằng các bạn đến với phong trào HMNĐ bằng tinh thần tự nguyện, tinh thần nhân đạo, tinh thần đó xuất phát từ việc các bạn nhận thức được rõ tầm quan trọng của HMNĐ. Các bạn nhận thức được ý nghĩa cao cả của HMNĐ*

là để cứu người chính là động cơ cơ bản nhất, điều đó thể hiện trách nhiệm và tấm lòng chia sẻ cao cả của các bạn sinh viên nhà trường. Nhiều bạn ban đầu nghe tới HMNĐ thì rất sợ, có bạn sợ đau, sợ mập, sợ ảnh hưởng tới sức khoẻ,...nhưng sau khi được tuyên truyền các bạn đã nhận thức được rằng mình không bị ảnh hưởng xấu gì mà lại có ích cho xã hội, có ích cho người bệnh, tuy chỉ là hành động rất nhỏ nhưng lại rất cao cả vì để thực hiện hành động cần phải có một tấm lòng”.

Trong quá trình thảo luận nhóm, các sinh viên trong Đội thanh niên tuyên truyền vận động HMNĐ cũng cho rằng: *Điều có ý nghĩa thúc đẩy sinh viên đi HMNĐ nhiều nhất chính là việc sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của hiến máu đối với người bệnh đang thiếu máu.*

Bạn N.D.H (sinh viên năm thứ ba, khoa BH) cũng cho chúng tôi biết: *“Đến nay em đã đi HMNĐ 9 lần, nếu chỉ do vì tiền, hay tò mò hay các lí do khác thì em đã không đi HMNĐ nhiều như thế. Điều có ý nghĩa thúc đẩy em HMNĐ hơn cả chính là vì sự sống của người bệnh, mỗi khi hiến máu em lại biết rằng những giọt máu của mình có thể cứu được 3 người khỏi cái chết, em biết rằng mình đã trao được niềm hi vọng vào sự sống cho người bệnh”.*

Như vậy, đại đa số sinh viên trường ĐHLĐXHHN đã có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc HMNĐ. Tuy nhiên, nhìn chung sinh viên nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc HMNĐ còn chưa cao.

3.2.2 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên thể hiện ở mặt xúc cảm

Như phần cơ sở lí luận đã trình bày: Động cơ hoạt động của con người được biểu hiện ở ba mặt: Nhận thức, xúc cảm, hành vi. Ở mục 3.2.1 chúng tôi đã trình bày biểu hiện mặt nhận thức của động cơ HMNĐ, trong phần này chúng tôi sẽ làm sáng rõ kết quả biểu hiện mặt xúc cảm của động cơ HMNĐ qua câu

hỏi số 4: “Sau đây là một số cảm xúc thường xuất hiện ở một số người HMNĐ. Bạn vui lòng cho biết mức độ của từng cảm xúc đó ở bản thân mình?”

Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.3: Động cơ hiến máu nhân đạo thể hiện ở mặt cảm xúc

Stt	Những cảm xúc khác nhau	Mức độ thường xuyên										Điểm trung bình
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thường có nhiều hơn		Thường không có nhiều hơn		Hoàn toàn không có		
		SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	
1.	Rất phấn khởi vì đã làm được một việc mang lại cơ hội sống tiếp cho người mắc bệnh hiểm nghèo mà không đòi hỏi ở họ bất cứ điều kiện gì	78	26	81	27	58	19.3	40	13.3	43	14.4	3.37
2.	Vui mừng vì nhận được một khoản tiền(130.000đ) vào lúc đang túng bán	9	3	13	4.3	38	12.7	90	30	150	50	1.8
3.	Tự hào vì mình đang nói tiếp truyền thống tốt đẹp “thương người như thể	71	23.7	78	26	44	14.7	58	19.3	49	16.3	3.21

	thương thân” của cha ông											
4.	Tự hào vì được bè bạn thừa nhận là người dũng cảm	26	8.7	52	17.3	54	18	95	31.7	73	24.3	2.54
5.	Sung sướng vì đã biết làm theo sự giáo dục của cha mẹ và thầy cô từ khi còn nhỏ	45	15	68	22.7	56	18.7	76	25.3	55	18.3	2.9
6.	Vui mừng mỗi khi được chia sẻ niềm vui với người bệnh được nhận máu.	72	24	67	22.3	29	9.7	57	19	75	25	3.01
ĐTB chung												2.8

Qua bảng số liệu trên ta thấy: “Rất phấn khởi vì đã làm được một việc mang lại cơ hội sống tiếp cho những người mắc bệnh hiểm nghèo mà không đòi hỏi ở họ bất cứ điều kiện gì”, “tự hào vì mình đang nối tiếp truyền thống tốt đẹp “thương người như thể thương thân” của cha ông” và “vui mừng mỗi khi được chia sẻ niềm vui với người bệnh được nhận máu” là những cảm xúc tích cực, thường xuyên xuất hiện ở sinh viên, nhưng nhìn chung tỷ lệ sinh viên lựa chọn cũng không cao, chỉ dao động từ 56% đến 72.3%.

Ngược lại, các item khác là những cảm xúc ít xuất hiện ở sinh viên với tỷ lệ sinh viên lựa chọn ở mức cao, dao động từ 43.6% đến 80%. Cụ thể là: “Vui mừng vì nhận được một khoản tiền (130.000đ) vào lúc đang túng bấn” (tỉ lệ: 80%), cảm xúc “tự hào vì được bạn bè thừa nhận là người dũng cảm” (tỉ

lệ: 56%), và “sung sướng vì đã làm theo sự giáo dục của cha mẹ và thầy cô” với tỉ lệ 43.6%.

Những kết quả trên cho thấy, trong thực tế đa số sinh viên có nảy sinh những cảm xúc tích cực trong quá trình HMNĐ nhưng chưa sâu sắc.

Cảm xúc “rất phấn khởi vì đã làm được một việc mang lại cơ hội sống tiếp cho người mắc bệnh hiểm nghèo mà không đòi hỏi ở họ bất kì điều gì” là cảm xúc có tỷ lệ thường xuyên xuất hiện ở sinh viên cao nhất với 72.3%. L.K (sinh viên năm thứ ba, khoa KT) cho biết: *“Khi được tham gia HMNĐ em rất phấn khởi vì em chỉ mất một lượng máu rất nhỏ mà có thể giúp cho những người khác được tiếp tục sống. Là sinh viên Việt Nam, là thế hệ trẻ, em thấy em cần phải có trách nhiệm hơn nữa với mọi người, khi làm được một việc có ích, dù là rất nhỏ như thế này, em cũng cảm thấy rất vui sướng”*. Hay như trong quá trình thảo luận nhóm, bạn L.V.L (sinh viên năm thứ hai, thành viên đội HMNĐ) cũng cho biết: *“Khi nhìn thấy người bệnh được nhận máu và tiếp tục sống, chúng em vô cùng phấn khởi và vui mừng khôn xiết, chúng em cảm thấy rất sung sướng, rất hạnh phúc như đã cứu giúp được cho chính người thân của mình, chúng em tự hào mình là tuổi trẻ Việt Nam, tự hào khi nối tiếp truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc. Đó là những cảm xúc không bao giờ quên được, và nhất định chúng em còn đi hiến máu nhiều lần nữa”*.

“Vui mừng vì nhận được một khoản tiền (130.000đ)” là cảm xúc ít xuất hiện nhất ở sinh viên, với 80% sinh viên cho rằng “thường không có nhiều hơn” và “hoàn toàn không có” cảm xúc này. Điều này hoàn toàn phù hợp khi trong phần biểu hiện mặt nhận thức đã phân tích ở trên có tới 61% sinh viên nhận thức rằng số tiền 130.000đ hoàn toàn không có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân mình. L.H (sinh viên năm thứ ba, khoa BH) cho chúng tôi biết: *“Khi đi*

HMNĐ, chúng em mang theo trong mình một tinh thần tình nguyện, tinh thần nhân đạo, tiền bạc hay những thứ vật chất khác đều ở lại phía sau hết chị ạ”.

Khi phỏng vấn sâu sinh viên chúng tôi cũng nhận thấy: Các sinh viên có nhận thức rõ về ý nghĩa của việc HMNĐ với người bệnh đang thiếu máu thì cảm xúc của họ cũng thường gắn liền với những cảm xúc, niềm vui của người bị bệnh, ngược lại những sinh viên còn có nhận thức mơ hồ về HMNĐ hay chỉ đơn giản đi HMNĐ do các động cơ hướng tới cá nhân hay do tò mò, rủ rê lôi kéo của bạn bè thì cảm xúc của họ thường là những cảm xúc gắn liền với những quyền lợi vật chất hoặc ít có cảm xúc hơn. Như lời sinh viên N.T.A (sinh viên năm thứ nhất, khoa KT) đã cho biết: *“Em chưa tìm hiểu nhiều về HMNĐ, em được bạn rủ đi, nghĩ đến việc hiến máu em cũng hơi sợ, nhưng bạn bảo đi hiến máu em có cơ hội kiểm tra sức khoẻ miễn phí, lại có thêm một chút tiền để tiêu nên em cũng đi. Chị hỏi em về cảm xúc thì em thấy bình thường thôi, đến hiến máu xong thì về, nếu có thì do em cảm thấy vui khi biết mình không bị bệnh, ngoài ra em chẳng có cảm xúc gì khác cả”* hay như ý kiến của bạn M.T.H (sinh viên năm thứ nhất, khoa QTNL): *“Khi đi HMNĐ em cảm thấy vui vì ở đó thường có các bạn biểu diễn văn nghệ, không khí rất nhộn nhịp. Nhưng em cũng thấy vui như khi đi tham gia các hoạt động khác thôi, nếu không đi em thấy cũng chả sao”.*

Như vậy, động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên biểu hiện ở mặt cảm xúc còn chưa sâu sắc với tỉ lệ lựa chọn của sinh viên còn chưa cao.

3.2.3 Động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên thể hiện ở mặt hành vi

Để có kết quả nghiên cứu về hành vi của động cơ HMNĐ của sinh viên trường ĐHLĐXHHN chúng tôi đã thiết kế hai câu hỏi, sau đây chúng ta cùng làm sáng tỏ.

Trước tiên, chúng tôi điều tra về những hành động liên quan đến việc HMNĐ đã được sinh viên thường xuyên thực hiện như thế nào. Ở đây, chúng tôi đã

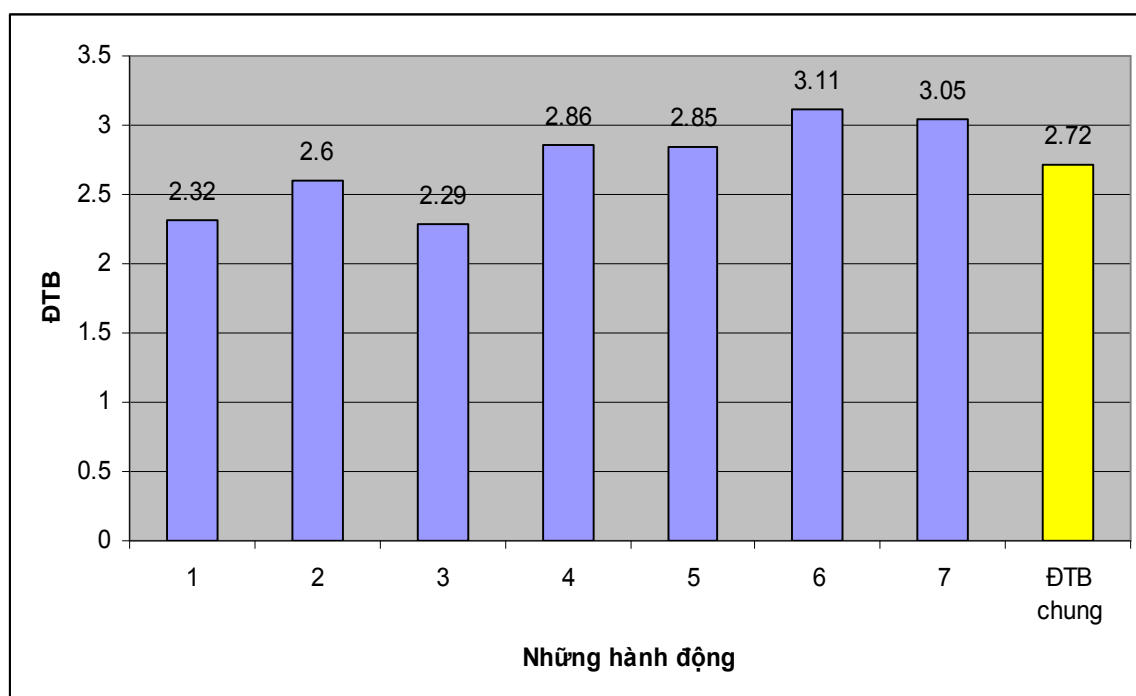
thiết kế câu hỏi số 5 với nội dung như sau: “Bạn vui lòng cho biết những hành động sau đây đã được bạn thực hiện ở mức độ thường xuyên nào?”.

Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.4: Động cơ hiến máu nhân đạo biểu hiện ở mặt hành vi

Stt	Những hành động	Mức độ đồng tình của bạn										Điểm trung bình
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thường làm nhiều hơn		Thường không làm nhiều hơn		Hoàn toàn không làm		
		SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	
1.	Tìm đọc những tài liệu liên quan đến máu và HMNĐ	20	6.7	42	14	54	18	84	28	100	33.3	2.32
2.	Nghe, nhìn trên các phương tiện truyền thông đại chúng những chuyên mục về HMNĐ	24	8	61	20.3	72	24	58	19.3	85	28.4	2.6
3.	Sinh hoạt câu lạc bộ HMNĐ	47	15.7	41	13.7	18	6	41	13.6	153	51	2.29
4.	Trao đổi với bạn bè, người thân xung quanh vấn đề HMNĐ	34	11.3	62	20.7	71	23.7	94	31.3	39	13	2.86
5.	Giữ gìn sức khoẻ để bản	47	15.7	78	26	42	14	51	17	82	27.3	2.85

	thân luôn đạt tiêu chuẩn được HMNĐ											
6.	Vận động bạn bè, người thân tham gia HMNĐ	47	15.7	80	26.7	73	24.3	59	19.7	41	13.6	3.11
7.	Tham gia tuyên truyền, cổ động cho phong trào HMNĐ	50	16.7	58	19.3	90	30	63	21	39	13	3.05
ĐTB chung												2.72



Biểu đồ 3.4: Động cơ hiến máu nhân đạo biểu hiện ở mặt hành vi

Thông thường, khi có ý định đi HMNĐ, người ta có những hành động cụ thể như vừa đề cập đến ở trên, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực

hiện các hành vi đó lại chưa cao với tỉ lệ sinh viên thường làm chỉ dao động từ 38.7%- 66.7% . Trong đó các hành động: “Vận động bạn bè, người thân tham gia HMNĐ”, “giữ gìn sức khoẻ để bản thân luôn đạt tiêu chuẩn HMNĐ”, “tham gia tuyên truyền vận động cho phong trào HMNĐ” là những hành động có tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện nhiều nhất, nhưng tỷ lệ lựa chọn này còn ở chưa cao, chỉ dao động từ 55.7% đến 66.7%

Ngược lại, “tìm đọc những tài liệu liên quan đến máu và HMNĐ”, “nghe, nhìn trên các phương tiện truyền thông đại chúng những chuyên mục về HMNĐ”, “sinh hoạt câu lạc bộ HMNĐ”, “trao đổi với bạn bè, người thân xung quanh về vấn đề HMNĐ” là những hành động ít được sinh viên thực hiện với tỉ lệ sinh viên lựa chọn dao động từ 44.3% đến 64.6%. Chị L. H. T (ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường) cho biết: *“Nói chung, sinh viên chưa có nhiều hành động cụ thể để phục vụ cho việc HMNĐ, các em thường chỉ đóng vai trò là người hưởng ứng nên đôi khi thụ động cho việc hành động, thậm chí có những em đi hiến máu mà hoàn toàn chưa biết gì về nó, hành động mà các em thường làm hơn cả là vận động bạn bè đi hiến máu cùng mình”*.

Xét về mặt tâm lý, khi muốn thực hiện hành động nào đó bao giờ chủ thể cũng tìm hiểu những lợi ích và ảnh hưởng hay hậu quả của hành động đó đối với bản thân. Hiến máu là một hoạt động có liên quan trực tiếp tới sức khoẻ con người, việc cho đi những giọt máu quý giá sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sức khoẻ của bản thân- đó là điều tất yếu mà một người có ý định đi hiến máu sẽ quan tâm. Tuy nhiên, có tới 61.3% sinh viên không làm hành động “tìm đọc những tài liệu liên quan đến máu và HMNĐ”. Bạn V.T.A (sinh viên năm thứ nhất, khoa KT) đã cho biết: *“Trước khi đi hiến máu em cũng có lên internet, lên thư viện để tìm đọc thêm các tài liệu về hiến máu và HMNĐ nhưng tài liệu rất hiếm, có cái em tìm được thì cũng tương tự như lời tuyên truyền của các bạn trong Đội Máu, em cũng chưa hiểu rõ về hiến máu lắm*

nhưng thấy không có hại mà lại giúp được người bệnh nên em cũng tham gia mà chưa tìm hiểu nhiều về nó”. Hay như ý kiến của bạn L.L.A (sinh viên năm thứ hai, khoa BH): “Sau khi nghe các bạn trong Đội Máu tuyên truyền, em thấy rất vui và tự hào nếu như mình có thể mang lại sự sống cho người khác, vì thế em đi hiến máu chứ thật ra em trước đó em chưa có khái niệm gì về HMNĐ, em chưa có bất kì một sự chuẩn bị hay tìm hiểu gì”.

Biểu hiện hành động của sinh viên có liên hệ với cảm xúc của sinh viên đối với HMNĐ. Sinh viên khá thường xuyên có cảm xúc phấn khởi khi mang lại sự sống cho người bệnh. Vì lẽ đó, hành động: “Vận động bạn bè, người thân tham gia HMNĐ” là hành động có tỷ lệ sinh viên thường làm cao nhất: 66.7%. Thông qua hành động này, sinh viên có thể vận động được nhiều người tham gia HMNĐ, họ có thể giúp đỡ được nhiều người bệnh hơn. Cùng với kết quả trên, trong quá trình phỏng vấn sâu bạn V.V.H (sinh viên năm thứ hai, khoa QL) đã cho biết: *“Em thường xuyên vận động bạn bè HMNĐ, hẳn có dịp là em lại tổ chức cho các bạn đi tới các bệnh viện để các bạn có dịp tận mắt chứng kiến hoàn cảnh khó khăn của các người bệnh thiếu máu, đồng thời em cũng tuyên truyền cho các bạn rõ về tầm quan trọng của HMNĐ, những lợi ích của hiến máu đối với bản thân, qua đó các bạn có sự nhận thức rõ hơn về HMNĐ và cũng tích cực đi hiến máu. Đến nay em cũng vận động được rất nhiều bạn đi hiến máu, các bạn lại vận động những bạn khác tiếp tục hiến máu, cứ như thế, dù chỉ là việc làm nhỏ nhưng chúng em rất tự hào rằng mình đã cứu giúp được nhiều người bệnh, và đó cũng là nguyên nhân chính khiến chúng em rất tích cực vận động. Cũng có nhiều lần em vận động thất bại nhưng số lần thành công thì nhiều hơn, bí quyết thì em không có nhiều, vì sinh viên chúng em vốn có tinh thần vì cộng đồng cao nên vận động cũng không khó khăn lắm nhưng cách vận động tốt nhất là phải thông qua hình ảnh cụ thể*

chị ạ, đặc biệt là qua các lần đến bệnh viện thì em thấy số lượng các bạn đi hiến máu tăng hẳn”.

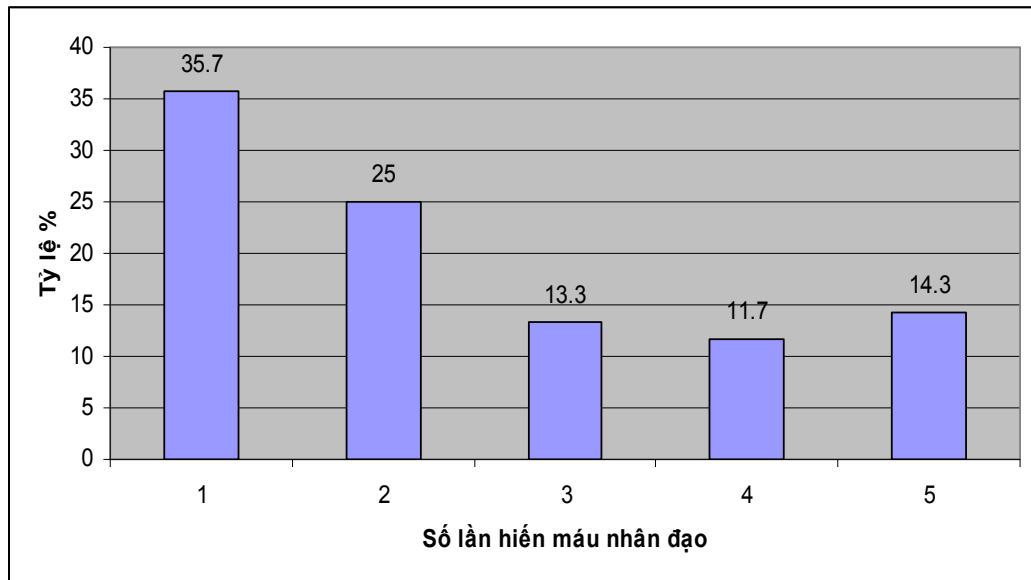
Bạn H.T.D (sinh viên năm thứ hai, khoa KT) cũng cho chúng tôi biết: *“Sau khi đi hiến máu lần đầu em thấy nó không hề có ảnh hưởng xấu tới bản thân, đồng thời càng tìm hiểu em càng biết có rất nhiều trường hợp khó khăn cần sự giúp đỡ, lượng máu với người bình thường như em không có nhiều ý nghĩa nhưng với người bệnh thì nó lại có ý nghĩa quyết định việc sinh tử, em rất muốn giúp họ, nhưng sức của mình em thì không đủ, và thế là em vận động bạn bè, người thân của mình cùng chung tay giúp đỡ người bệnh. Ban đầu em đi vận động rất khó khăn vì mọi người còn nghi ngại, lo lắng nhiều nhưng dần dần qua sự thuyết phục cũng như qua các tài liệu nghiên cứu cụ thể về ảnh hưởng của hiến máu thì các bạn cũng an tâm hơn, em dễ thuyết phục hơn. Nhưng quan trọng nhất là làm cho các bạn hiểu được người bệnh đang cần máu như thế nào, khi các bạn hiểu rõ, các bạn đi HMNĐ rồi các bạn lại như em, tiếp tục vận động các bạn khác, cứ thế, ...chỉ như thế thì mới cứu sống được nhiều người bệnh chị ạ”.*

Như vậy, sinh viên đã có những hành động cụ thể để thực hiện việc HMNĐ của mình, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện các hành động đó còn chưa cao

Để làm rõ hơn biểu hiện hành vi của động cơ HMNĐ của sinh viên trường ĐHLĐXHHN. Chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: *“Bạn đã HMNĐ bao nhiêu lần?”* (câu 1), kết quả chúng tôi thu được như sau:

Bảng 3.5: Số lần hiến máu nhân đạo của sinh viên

Stt	Số lần HMND	SL (người)	TL (%)
1.	Lần đầu tiên	107	35.7
2.	Hai lần	75	25
3.	Ba lần	40	13.3
4.	Bốn lần trở lên	35	11.7
5.	Một lần, sau đó không đi nữa	43	14.3



Biểu đồ 3.5: Số lần hiến máu nhân đạo của sinh viên

Ghi chú:

- 1: Lần đầu tiên
- 2: Hai lần
- 3: Ba lần
- 4: Bốn lần trở lên
- 5: Một lần, sau đó không đi nữa

Bảng 3.8 cho thấy: Sinh viên đi HMNĐ lần đầu tiên chiếm 35.7%, sinh viên đi HMNĐ hai lần chiếm 25%, sinh viên HMNĐ ba lần chiếm 13.3%, sinh viên HMNĐ bốn lần trở lên chiếm 11.7%, sinh viên chỉ HMNĐ một lần, sau đó không đi nữa chiếm 14.3%. Kết quả này chứng tỏ phần lớn sinh viên được điều tra đi HMNĐ lần đầu tiên, số sinh viên đi HMNĐ từ hai lần trở lên ngày càng giảm và có tới 14.3% sinh viên chỉ đi HMNĐ một lần, sau đó không đi nữa.

Chiếm tỷ lệ cao nhất là sinh viên đi HMNĐ “lần đầu tiên” với 35.7% tương đương với 107 trên tổng số 300 khách thể được nghiên cứu. Công tác tuyên truyền cổ động cho HMNĐ của trường ĐHLĐXHHN luôn tập trung vào thời điểm đầu năm học mới, đó là thời điểm sinh viên năm thứ nhất nhập học cũng là thời điểm sinh viên toàn trường sẽ tập trung học tập chính trị đầu năm, lồng ghép trong các buổi học chính trị đó là các buổi tuyên truyền tập trung về HMNĐ, qua đó thúc đẩy sinh viên đi hiến máu, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất- những tân sinh viên của nhà trường. Kết quả thu được đã cho thấy 43 trong tổng số 300 sinh viên (chiếm 14.3%) được nghiên cứu chỉ hiến máu “một lần, sau đó không đi nữa”. Khi được hỏi N.T.H (sinh viên năm thứ ba, khoa KT) cho biết: *“Em biết HMNĐ là một hành động cao đẹp, nhất là đối với thanh niên. Tuy nhiên, sau lần hiến máu đầu tiên tôi mới phát hiện ra là mình bị thiếu máu, do đó em không hiến máu nữa”*. Bạn N.Q.H (đội trưởng đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ) cho chúng tôi biết thêm: *“Các vấn đề về sức khỏe cũng là nguyên nhân khiến cho sinh viên chỉ đi hiến máu một lần. Có nhiều bạn sau khi hiến máu đã thấy rất đau, trong người khó chịu, thậm chí là bị choáng, ngất. Có những bạn dù đã có chế độ ăn uống, nghỉ ngơi hợp lý nhưng vẫn không thể kiểm soát tình trạng cân nặng của bản thân: bạn thì gầy đi, bạn lại mập lên. Đây chỉ là các biểu hiện phản ứng bình thường của cơ thể khi hiến máu nhưng cũng khiến nhiều bạn, đặc biệt là các*

bạn gái không dám tiếp tục hiến máu. Bên cạnh đó, sự phản đối của gia đình, người thân cũng là một trong những nguyên nhân cản trở sinh viên tiếp tục hiến máu”. Như lời bạn N.L.T (sinh viên năm thứ hai, khoa QTNL): “Mặc dù em đủ tiêu chuẩn hiến máu, bố mẹ em cũng rất ủng hộ việc em giúp đỡ người khó khăn hơn mình, nhưng bố mẹ không cho em đi hiến máu vì sợ tự dung lấy lượng máu lớn ra khỏi cơ thể sẽ ảnh hưởng tới sức khoẻ, em rất tiếc không thể tiếp tục giúp đỡ người bệnh, em sẽ tìm và tham gia các hình thức khác để giúp đỡ mọi người”. Ngoài ra, qua thảo luận nhóm chúng tôi thấy rằng: Nhiều sinh viên cũng cho rằng số máu mình hiến chưa chắc đã đến tay những người bệnh thực sự đang cần máu, chính vì vậy các bạn không tiếp tục đi HMNĐ.

Như phần cơ sở lý luận đã trình bày: Động cơ hoạt động của con người được biểu hiện ở ba mặt: Nhận thức, xúc cảm, hành vi, ba mặt này không tách rời nhau mà tác động qua lại với nhau một cách biện chứng, làm thành một thể thống nhất trong động cơ hoạt động của con người, nhưng chúng tác động qua lại lẫn nhau như thế nào?

3.2.4 Sự tác động qua lại giữa các mặt biểu hiện của động cơ

Để điều tra sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các mặt biểu hiện của động cơ, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan Pearson (Pearson Correlations).

Bảng 3.6: Hệ số tương quan Pearson

Giá trị	Nhận thức- xúc cảm	Cảm xúc- hành vi	Nhận thức- hành vi
r	- 0.402	0.689	- 0.486
p	0.0	0.0	0.0

Xét mối tương quan giữa nhận thức, cảm xúc, hành vi của sinh viên trong cấu trúc động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên bằng hệ số tương quan Pearson, kết quả cho thấy: Cả ba mặt biểu hiện của động cơ này đều có mối tương quan với nhau, tuy nhiên trong đó chỉ có cảm xúc và hành vi là có mối tương quan

thuận tương đối chặt chẽ, còn mối tương quan giữa nhận thức với cảm xúc và mối tương quan giữa nhận thức với hành vi là mối tương quan nghịch. Như vậy, tương quan giữa các yếu tố trong cấu trúc động cơ có mối tương quan nghịch.

Từ những kết quả phân tích ở trên chúng tôi đưa ra kết luận như sau: Động cơ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng là động cơ chủ yếu(được nhiều sinh viên lựa chọn nhất). Tuy vậy, tỷ lệ số người lựa chọn động cơ chủ yếu này cũng chưa cao. Điều này chứng minh giả thuyết chúng tôi đưa ra là hoàn toàn chính xác.

3.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường ĐH Lao động Xã hội Hà Nội

Động cơ HMNĐ của sinh viên trường ĐHLĐXHNN chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Nhằm làm rõ các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ, chúng tôi đã thu thập số liệu thu được từ các câu hỏi 7, 8, 9 trong phiếu trưng cầu ý kiến thành bảng số liệu tổng hợp. Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ được chia thành hai nhóm: Yếu tố chủ quan (ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội; tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc) và nhóm các yếu tố khách quan (giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội).

Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.7: Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội

Stt	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng										Điểm trung bình	
		Rất mạnh mẽ		Mạnh mẽ		Mạnh nhiều hơn yếu		Yếu nhiều hơn mạnh		Hoàn toàn không ảnh hưởng			
		SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)	SL (người)	TL (%)		
A	Các yếu tố chủ quan												
1	Ý thức trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng, xã hội	101	33.7	60	20	33	11	60	20	46	15.3	3.36	
2	Tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc	87	29	69	23	33	11	64	21.3	47	15.7	3.28	
B	Các yếu tố khách quan												
1	Qua dạy bảo và tấm gương đạo đức của cha mẹ	86	28.6	71	23.7	69	23	39	13	35	11.7	3.44	
2	Giáo dục của nhà												

	<i>trường</i>											
2.1	Qua nội dung chương trình dạy học từ lớp mẫu giáo đến đại học	52	17.3	36	12	76	25.3	77	25.7	59	19.7	2.81
2.2	Qua tổ chức của nhà trường(từ mẫu giáo đến đại học) cho học sinh, sinh viên tích cực tham gia các hình thức hoạt động xã hội khác nhau(như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, về nguồn, tình nguyện,...)	77	25.7	52	17.3	97	32.3	51	17	23	7.7	3.36
3	<i>Giáo dục của xã hội</i>											
3.1	Qua các kênh truyền hình trung ương	51	17	26	8.7	39	13	100	33.3	84	28	2.53

3.2	Qua đài phát thanh trung ương	37	12.3	31	10.3	38	12.7	96	32	98	32.7	2.37
3.3	Báo, tạp chí	73	24.4	111	37	46	15.3	37	12.3	33	11	2.48
3.4	Pano, áp phích	40	13.3	43	14.3	53	17.7	39	13	125	41.7	2.44
3.5	Qua các hoạt động do nhà trường và Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ tổ chức: hội thảo, hội nghị về HMNĐ,...	135	45	38	12.7	93	31	27	9	7	2.3	3.89

Nhìn vào kết quả trên ta thấy: Các yếu tố trên đều có ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đó đến động cơ HMNĐ lại khác nhau.

Các yếu tố chủ quan: “Ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội”, “tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc” là các yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ tới động cơ HMNĐ của sinh viên, nhưng nhìn chung tỷ lệ sinh viên lựa chọn cũng không cao, chỉ dao động từ 63% đến 64.7%.

Các yếu tố khách quan: Giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội có tác động không đồng bộ tới động cơ HMNĐ của sinh viên. 75.3% khách thể được điều tra đã cho rằng: “Qua dạy bảo và tấm gương đạo đức của cha mẹ” là yếu tố có ảnh hưởng “mạnh mẽ” và “rất mạnh mẽ” đến

động cơ HMNĐ của họ. Khi thảo luận nhóm về việc giáo dục của gia đình cho con em mình về tình cảm “thương người như thể thương thân”, hành vi “sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn” với các thành viên của Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ, chúng tôi thấy rằng: *Các em đánh giá rất cao việc giáo dục của gia đình về các tình cảm và hành vi đạo đức. Các em cho rằng nếu ngay từ khi còn nhỏ các em không được cha mẹ thường xuyên nhắc nhở, dạy bảo về lòng thương người, về tinh thần đoàn kết, về tinh thần giúp đỡ người khó khăn hoạn nạn, ...thì các em sẽ sống ích kỉ hơn và sẽ rất khó để các em có động lực tham gia các phong trào nhân đạo nói chung. Qua kinh nghiệm thực tế, các em đều cho rằng: Rất dễ vận động hiến máu đối với các bạn đã có sẵn lòng thương người, sẵn tình cảm đạo đức, còn đối với các bạn ích kỉ thì rất khó để vận động thành công nhất là khi quyền lợi vật chất mà hiến máu mang lại còn eo hẹp. Tuy nhiên các em cũng cho rằng: Mặt trái của nền kinh tế thị trường làm cho con người sống chỉ biết bản thân mình, chỉ chạy theo tiền, luôn quy đổi mọi thứ thành tiền mà không chịu cho đi bất cứ thứ gì. Nhiều bậc cha mẹ mãi mê kiếm tiền, quên đi trách nhiệm giáo dục con cái, không là tấm gương sáng cho con em mình noi theo. Nhiều em đã hình thành nên tính cách và lối sống ích kỉ, chỉ biết bản thân, không biết vì người khác. Nhiều bậc cha mẹ đã ngăn cản không cho con mình tham gia HMNĐ.*

Các yếu tố giáo dục của nhà trường bao gồm: “Qua nội dung chương trình dạy học từ mẫu giáo đến đại học”, “qua tổ chức của nhà trường (từ mẫu giáo đến đại học) cho học sinh, sinh viên tích cực tham gia các hình thức hoạt động xã hội khác nhau (như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, về nguồn, tình nguyện,...)” là những yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ tới động cơ HMNĐ của sinh viên, nhưng tỷ lệ lựa chọn còn tương đối thấp, chỉ dao động từ 29.3% đến 43%. Bạn N.V.A cho biết: *“Ngay từ bậc tiểu học, học sinh chúng em đã được học môn đạo đức, lên các cấp phổ thông cao hơn chúng em được học*

môn: Giáo dục công dân, lên bậc đại học là các buổi sinh hoạt chính trị. Các môn học này đã có vai trò nhất định trong việc giáo dục tình cảm đạo đức cho học sinh, sinh viên chúng em, tuy nhiên em thấy thời lượng của môn học khá ít, lại là “môn phụ” với nhiều lý thuyết nên chúng em cũng không có hứng thú với môn học này, nhiều khi học để trả bài thôi chị ạ”. Khi được hỏi về tác động của các hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức, bạn N.V.H (sinh viên năm thứ hai, khoa KT) đã cho biết: “Em thấy nhà trường từ mẫu giáo tới đại học khá tích cực trong việc tổ chức cho học sinh, sinh viên chúng em tham gia vào các hoạt động xã hội, ví dụ: chăm lo mộ liệt sĩ, giúp đỡ các gia đình chính sách, kế hoạch nhỏ, đền ơn đáp nghĩa, mùa hè xanh,... Thông qua các buổi hoạt động đó em thấy còn rất nhiều người khó khăn hơn mình, bản thân mình cần có trách nhiệm giúp đỡ học, nhưng nói chung các hoạt động này được tổ chức rất ít, một năm chắc chỉ được tham gia một, hai lần chị ạ. Với cả, nhiều hoạt động em thấy còn mang nặng tính hình thức, qua loa, chiếu lệ, ví dụ như thường chỉ các bạn trong đội ngũ cán bộ lớp mới được tham gia, nhiều khi đi giúp đỡ gia đình chính sách nhưng bọn em chỉ được nói chuyện với họ 5, 7 phút là phải ra về”.

Các yếu tố trong nhóm yếu tố giáo dục của xã hội có ảnh hưởng rất khác nhau tới động cơ HMNĐ của sinh viên.

Các biện pháp truyền thông đại chúng như: “Qua các kênh truyền hình trung ương”, “qua các đài phát thanh trung ương”, “báo, tạp chí”, “pano, áp phích” có tác động ở mức thấp tới động cơ HMNĐ của sinh viên với từ 54.7% tới 64.7% sinh viên cho rằng yếu tố này “hoàn toàn không ảnh hưởng” và ảnh hưởng “yếu nhiều hơn mạnh” tới động cơ HMNĐ của họ). Chúng tôi đã theo dõi các chương trình phát trên đài phát thanh, truyền hình cũng như truy cập vào một số trang báo mạng được nhiều người truy cập như: vnexpress, dantri, sinhvien, hoahoctro, vietnamnet,... thì thấy rằng: Báo

mạng là phương tiện truyền tải nhiều nội dung về HMNĐ nhất, nhưng cũng chủ yếu dưới hình thức điểm tin hiển máu qua loa sơ sài, rất hiếm các bài viết phân tích chi tiết về tầm quan trọng của hiến máu, ý nghĩa, tác dụng đối với sức khoẻ, tiêu chuẩn hiến máu,... Sự tuyên truyền, vận động cho HMNĐ trên các phương tiện truyền hình, phát thanh thì càng hiếm hơn nữa, hầu như không đề cập gì tới phong trào HMNĐ. Vì thế khi được hỏi, bạn N.K.A (sinh viên năm thứ hai, khoa QL) đã cho biết: *“Em thấy ti vi, báo, đài không có tác dụng thúc đẩy hành động HMNĐ của em, bởi lẽ em không hề được tiếp cận với bất kì nguồn thông tin chính thức nào về HMNĐ thông qua các phương tiện này, em chưa bao giờ thấy trên ti vi hay đài phát thanh có tin tức gì về HMNĐ. Thi thoảng em thấy trên các trang báo mạng có tin tức nhưng cũng đại khái vài dòng tin thôi chị ạ. Thậm chí, có lần em vào một diễn đàn trên mạng, trong đó mọi người trao đổi với nhau về HMNĐ, có nhiều điều không đúng như khi các bạn tuyên truyền ở trường, em thấy rất hoang mang nên lần đó đã không đi hiến máu. Nói chung là em thấy các phương tiện công cộng này có vẻ không quan tâm gì tới hành động HMNĐ đâu chị ạ”*. Sự hạn chế này đã dẫn tới phần lớn sinh viên được khảo sát đều cho rằng các phương tiện truyền thông đại chúng không có nhiều tác dụng giáo dục, thúc đẩy cho hành động HMNĐ của họ.

Ngược lại, “qua các hoạt động do Đội thanh niên tuyên truyền vận động HMNĐ tổ chức như: hội thảo, hội nghị về HMNĐ,...” có ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ ở mức độ cao với 88.7% sinh viên chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố này. Bạn L.H.T (sinh viên năm thứ 3 khoa QTNL) cho biết: *“Các hoạt động xã hội như: các buổi giúp đỡ người bệnh tại bệnh viện, các buổi chiếu phim về hiến máu, các hội thảo do Đội Máu tổ chức, ... đã thôi thúc chúng em phải hành động để cứu lấy người bệnh, sau những buổi đó em thấy số lượng các bạn đi hiến máu rất đông. Nhưng em thấy các hoạt*

động này vẫn còn ít, một năm chỉ diễn ra trong khoảng 4, 5 buổi như thế thêm vào đó cũng có những buổi tổ chức khá chán chỉ toàn nói lý thuyết, không thu hút được sinh viên tham gia”.

Qua thảo luận nhóm với các thành viên của Đội thanh niên tình nguyện vận động HMNĐ chúng tôi đã thu được kết quả: *Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hành động HMNĐ của sinh viên như: Quyền lợi từ HMNĐ, sức khoẻ bản thân người hiến máu, nhận thức của sinh viên về HMNĐ, quy mô và sự phát triển của phong trào hiến máu, sự tác động từ gia đình, sự giáo dục và hỗ trợ từ nhà trường, sự quan tâm và tuyên truyền giáo dục của xã hội. Sinh viên cho rằng: Thông qua sự giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội mà sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của HMNĐ với người bệnh và thấy được trách nhiệm với xã hội thì, chính yếu tố này mới có tác dụng thúc đẩy mạnh nhất hành vi HMNĐ.*

Như vậy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên. Nhưng, nhìn chung, các yếu tố giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội đã tác động không đồng bộ đến động cơ HMNĐ của sinh viên, trong đó tác động của giáo dục nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng là yếu nhất. Điều đó chứng tỏ sự bất cập trong giáo dục nói chung hiện nay của gia đình, nhà trường, xã hội đối với hành vi HMNĐ của sinh viên. Điều này cũng là nguyên nhân lý giải tại sao hiện nay tỷ lệ sinh viên lựa chọn động cơ chủ yếu cũng còn chưa cao..

3.4 Mô tả chân dung tâm lý

3.4.1 Mô tả chân dung sinh viên V.V.H

- Một số thông tin chung

V.V.H là nam sinh viên sinh năm 1991, quê Thanh Hoá, hiện đang học năm thứ 2 khoa Quản lý Nhân lực. V.V.H là đội phó Đội thanh niên tình nguyện vận động hiến máu nhân đạo trường ĐHLĐXHHN.

Trong năm học vừa qua V.H đã đạt học bổng cho sinh viên có thành tích học tập tốt. V.H là sinh viên rất hoạt bát, năng động, tự tin. Thời gian đầu khi chúng tôi đi khảo sát, V.H đã rất nhiệt tình giúp đỡ và cởi mở trong giao tiếp. Gia đình V.H có 4 thành viên: bố V.H là bộ đội đã về hưu, mẹ kinh doanh nhỏ, chị gái đã lập gia đình và là công chức nhà nước.

- Động cơ Hiến máu nhân đạo của V.V.H

Khi được hỏi về động cơ HMNĐ của mình, V.V.H đã chia sẻ: *“Em đã HMNĐ khoảng 4 lần trong vòng 2 năm, em hiến máu vì nhiều động cơ khác nhau, nhưng động cơ mạnh mẽ nhất là em muốn giúp những người mắc bệnh cần máu có cơ hội tiếp tục sự sống. Em có nhiều cơ hội được tiếp xúc với người bệnh, được trò chuyện cùng họ, em hiểu được tâm tư nguyện vọng của họ, họ rất khát khao được sống, em còn khỏe, mất đi một lượng máu không hề có hại cho bản thân mà trái lại em còn giúp được nhiều người, vì thế, chừng nào còn đủ điều kiện hiến máu, chừng nào người bệnh cần, chừng đó em vẫn tiếp tục hiến máu”*.

Ngoài ra V.V.H cũng cho chúng tôi biết thêm về nhận thức, cảm xúc, hành vi của bạn khi tham gia HMNĐ: *“Khi lên Hà Nội học em mới biết về hoạt động HMNĐ, ban đầu em chưa có hiểu biết gì về nó, nhưng sau đó em có tích cực tìm hiểu thông tin và nhận thức được lợi ích, và ý nghĩa của HMNĐ đối với xã hội, từ đó đến nay như chị biết, em luôn là một trong những người đi đầu trong các hoạt động HMNĐ của trường. Nói về cảm xúc hiến máu thì nhiều lắm chị ạ, nhưng nói chung em thấy rất vui mừng, phấn khởi khi biết chỉ với 250ml máu của mình em đã có thể mang lại sự sống cho 3 người bệnh. Em cũng vô cùng tự hào khi được bạn bè nhìn nhận như là một trong những sinh viên có tinh thần nhân đạo”. Và : “HMNĐ vẫn còn là một hoạt động mới mẻ ở nước ta, vì thế có rất ít tài liệu chính thống về hoạt động này, khi nghĩ tới việc sẽ hiến máu cứu người, em đã tới tận Đội Máu của nhà trường để xin*

được tư vấn, về nhà em cũng mày mò lên mạng tìm hiểu thông tin, em hỏi bạn bè, người thân, ...Sau này khi đã có nhận thức rõ về HMND, em đã thi tuyển và trúng tuyển vào Đội Máu. Từ đây em chủ yếu kêu gọi, vận động các bạn sinh viên đi HMND. Em đã đến tất cả các lớp học trong trường để vận động, em gửi thư mời trực tiếp cho các bạn, em gọi điện mời các bạn tham gia hiến máu, nói chung em tận dụng mọi thứ có được để vận động cho phong trào. Em cũng không nhớ nổi em đã đi tuyên truyền vận động bao nhiêu lần, em cũng không biết em đã vận động được bao nhiêu bạn”

- Yếu tố ảnh hưởng tới hành động hiến máu nhân đạo của V.V.H

Theo V.V.H có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hành động HMND của bản thân bạn nhưng qua trao đổi H cho biết: *“Với bản thân em, ngay từ khi còn nhỏ em đã thuộc lòng các nhân vật cổ tích, trong gia đình bố mẹ luôn dạy hai chị em phải biết thương yêu nhau, ra ngoài phải thương, phải giúp người khó khăn hơn mình. Em nhớ khi em còn nhỏ, có một bà cụ đến nhà em ăn xin, khi ấy nhà em rất nghèo nhưng em còn quá nhỏ nên em đã mang những bó gạo còn lại cho hết bà ăn xin. Đến khi mẹ em đi làm về mẹ không những không mắng mà còn khen em biết giúp đỡ và thương người như thế là tốt. Mặc dù buổi tối hôm đó cả nhà em phải đi vay gạo nhà hàng xóm để ăn. Em nghĩ chính vì những bài học đạo đức ngay từ nhỏ như thế nên khi lớn lên, nhìn thấy người bất hạnh em rất thương và có điều gì đó cứ thôi thúc em phải giúp đỡ họ. Ngoài ra, em thường được cha mẹ đọc cho nghe rất nhiều câu chuyện cổ tích, ca dao, dân ca giáo dục về đạo đức, cách ứng xử trong cuộc sống. Khi lớn lên thông qua tấm gương đạo đức của các thầy cô giáo, thông qua các bài giảng đạo đức, các hoạt động tình nguyện: chăm sóc giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ, các chương trình tình nguyện mùa hè xanh, ...chính những yếu tố đó đã ảnh hưởng rất lớn tới bản thân em và khiến em không hề ngại ngần khi có cơ hội được giúp đỡ những người kém may mắn”*. Khi hỏi về tác động của

xã hội tới động cơ HMNĐ của mình, H cho biết thêm: “Em chịu ảnh hưởng nhiều từ sự tuyên truyền tác động từ các hoạt động do Đội Máu tổ chức. Trong các buổi đó, có chiếu phim về những tấm gương tích cực hoạt động HMNĐ, chiếu phim về những số phận không may mắn, khi xem những bộ phim đó hiếm có người cảm lòng được lắm chị ạ. Rất xúc động và thương, nhiều khi xem xong em muốn chạy ngay đến bên họ và sẵn sàng làm mọi việc để đem lại sự sống cho họ. Bên cạnh đó việc tổ chức cho chúng em đi xuống thăm hỏi các bệnh nhân hiếm nghèo cần máu tại các bệnh viện cũng có tác động khá tích cực, nhưng biện pháp này không thường xuyên tổ chức”.

- Khi hỏi về kế hoạch tiếp theo đối với hành động HMNĐ, H cho biết: “Em sẽ vẫn tiếp tục tích cực vận động các bạn hiến máu, thời gian tới em sẽ cố gắng nghĩ ra các biện pháp mới để có thể thu hút được sự tham gia của nhiều sinh viên hơn nữa”.

3.4.2 Mô tả chân dung sinh viên N.A.T

- Một số thông tin chung:

N.A.T sinh năm 1993, quê Hà Nội, hiện tại là sinh viên năm thứ nhất khoa Kế toán trường ĐHLĐXHHN.

N.A.T cũng khá cởi mở trong giao tiếp, tuy nhiên T có vẻ bề ngoài hơi lác cắc. Tuấn là con trai duy nhất trong gia đình có bố, mẹ hiện đang kinh doanh xe máy tại nhà.

- Động cơ hiến máu nhân đạo của N.A.T

Đây là lần đầu tiên T đi HMNĐ. Khi nói về động cơ HMNĐ của mình T cho biết: “Cũng có nhiều lý do chị ạ. Ban đầu thì bạn bè rủ em đi đến đây chơi cho vui vì hôm đó (ngày hội hiến máu) có ca sỹ Duy Khoa hát. Khi đến nơi, em cũng tò mò không biết HMNĐ như thế nào, em tìm hiểu thì được biết nếu hiến máu thì sẽ được biết nhóm máu của mình và được khám sức khoẻ miễn phí, hơn nữa lại không có hại cho sức khoẻ, thế nên em cũng liều thử

xem như thế nào. Khi hiến máu em thấy rất hồi hộp vì không biết có đau không, có đúng là không có hại không. Khi hiến máu xong em lại được nhận quà, tuy chỉ là con gấu bông nhưng do bất ngờ được tặng em cũng thấy vui. Lúc đó do tò mò với cả cũng muốn thử nên em nhắm mắt liêu, chứ bạn đi cùng em không dám hiến đâu, thấy em hiến xong vẫn bình thân bạn ý có vẻ phục em nên em cũng hơi hãnh diện”.

- Yếu tố ảnh hưởng tới hành động HMNĐ của N.A.T

N.A.T cho biết: *“Bố mẹ em làm nghề kinh doanh nên ngay từ khi còn bé em đã được tiếp xúc với tiền và em luôn được bố mẹ nhắc nhở về quy tắc có đi có lại và trước tiên phải vì bản thân mình trước. Với cả hồi bé thì em cũng không được bố mẹ đọc truyện cổ tích cho nghe vì bố mẹ em rất bận, thậm chí từ bé em đã có thể đứng ra bán hàng cùng bố mẹ. Khi đi học em cũng có tham gia một số hoạt động của trường như: giúp đỡ người bệnh, tình nguyện, ... nhưng em không có ấn tượng gì và em cũng chỉ tham gia vài lần thôi, em thấy nó không hữu ích với em. Cũng như các bạn em cũng được học về môn đạo đức nhưng em chỉ thích các môn tự nhiên tính toán chứ các môn mang tính xã hội như thế toàn lý thuyết chị ạ”. Về ảnh hưởng của xã hội tới động cơ HMNĐ của mình, T cho biết thêm: *“Nói chung em cũng ít thấy thông tin về HMNĐ trên ti vi hay báo chí, thi thoảng em thấy các bạn có tuyên truyền ở trường, có kêu gọi sinh viên tham gia hội thảo, ngày hội hiến máu. Nhưng nó cũng chung chung chứ không chỉ đích danh ai cả nên em cũng không có quan tâm nhiều”.**

- Khi hỏi về kế hoạch tiếp theo đối với hành động HMNĐ, T cho biết: *“em chỉ hiến máu một lần cho biết thôi chứ em không hiến nữa đâu, chắc là cũng phải có hại ở mặt nào đó chứ không chỉ có lợi đâu, tốt nhất là không hiến chị ạ, nhà em có mỗi em là con thôi”.*

KẾT LUẬN

1. Kết luận

1.1 Phần lí luận

- Sau khi tham khảo nhiều nguồn tài liệu khác nhau, chúng tôi đã tổng hợp được hệ thống cơ sở lí luận của đề tài nghiên cứu và đưa ra được hệ thống khái niệm trong đó khái niệm về động cơ HMNĐ của sinh viên là khái niệm chỉ đạo xuyên suốt luận văn này: Động cơ HMNĐ của sinh viên là sức mạnh tinh thần được nảy sinh từ nhu cầu được hiến một phần máu của mình cho những người tính mạng đang bị đe dọa vì thiếu máu mà không đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào, thôi thúc chủ thể hành động tích cực nhằm thoả mãn mong muốn, nhu cầu đó của bản thân.

- Cơ sở lí luận của đề tài đã chỉ ra được các mặt biểu hiện của động cơ hoạt động: Nhận thức, hành vi, cảm xúc. Ba mặt này không tách rời nhau mà tác động qua lại với nhau, làm thành một thể thống nhất trong động cơ hoạt động của con người. Đồng thời cơ sở lí luận của đề tài cũng chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ: Ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội; tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống của dân tộc; giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội.

1.2 Phần thực tiễn: Nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng:

- Sinh viên thực hiện hành vi HMNĐ với nhiều động cơ khác nhau nhưng động cơ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng là động cơ chủ yếu của sinh viên hiến máu nhân đạo, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên lựa chọn động cơ chủ yếu này cũng còn chưa cao.

- Động cơ HMNĐ thể hiện ở mặt nhận thức: Sinh viên nhận thức được HMNĐ có vai trò rất quan trọng đối với bản thân và đối với xã hội vì đó là một nghĩa cử cao đẹp. Tuy nhiên, nhận thức này của sinh viên còn chưa sâu sắc

- Động cơ HMNĐ thể hiện ở mặt cảm xúc: Sinh viên có nảy sinh những cảm xúc trong quá trình HMNĐ nhưng chưa sâu sắc, trong đó, sinh viên có cảm xúc tích cực với các giá trị hướng tới lợi ích cho xã hội: “Rất phấn khởi vì đã làm được một việc mang lại cơ hội sống tiếp cho những người mắc bệnh hiểm nghèo mà không đòi hỏi ở họ bất cứ điều kiện gì” và “cảm thấy tự hào vì mình đang nối tiếp truyền thống tốt đẹp “thương người như thể thương thân của cha ông”. Một bộ phận sinh viên còn thể hiện cảm xúc khá thờ ơ với hành động HMNĐ, với sự sống của người bệnh và sự kỳ vọng của gia đình, nhà trường.

- Động cơ HMNĐ thể hiện mặt hành vi: Sinh viên đã có các hành vi, hoạt động cụ thể thoả mãn mong muốn HMNĐ của mình tuy nhiên tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện các hành vi trên còn chưa cao. Trong đó các hành động: “Vận động bạn bè, người thân tham gia HMNĐ”, “giữ gìn sức khoẻ để bản thân luôn đạt tiêu chuẩn HMNĐ”, “tham gia tuyên truyền vận động cho phong trào HMNĐ” là những hành động có tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện nhiều nhất, nhưng tỷ lệ lựa chọn này còn ở chưa cao, chỉ dao động từ 55.7% đến 66.7%

- Sự tác động qua lại giữa các mặt biểu hiện của động cơ: Ba mặt biểu hiện của động cơ: Cả ba mặt biểu hiện của động cơ này đều có mối tương quan với nhau, tuy nhiên trong đó chỉ có cảm xúc và hành vi là có mối tương quan thuận tương đối chặt chẽ, còn mối tương quan giữa nhận thức với cảm xúc và mối tương quan giữa nhận thức với hành vi là mối tương quan nghịch. Như vậy, tương quan giữa các yếu tố trong cấu trúc động cơ có mối tương quan nghịch.

- Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên trường ĐHLĐXHHN: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới động cơ HMNĐ của sinh viên. Nhưng, nhìn chung, các yếu tố giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội đã ảnh hưởng không đồng bộ đến động cơ HMNĐ của sinh viên, trong đó tác

động của giáo dục nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng là yếu nhất. Điều đó chứng tỏ sự bất cập trong giáo dục nói chung hiện nay của gia đình, nhà trường, xã hội đối với hành vi HMNĐ của sinh viên. . Điều này cũng là nguyên nhân lý giải tại sao hiện nay tỷ lệ sinh viên lựa chọn động cơ chủ yếu cũng còn chưa cao..

- Kết quả thu được ở phần nghiên cứu thực tiễn đã giúp chúng tôi chứng minh: Giả thuyết của chúng tôi đưa ra ban đầu là hoàn toàn chính xác: Động cơ vì sự sống của người bệnh đang thiếu máu trầm trọng là động cơ chủ yếu của sinh viên hiến máu nhân đạo. Tuy vậy, tỷ lệ số người lựa chọn động cơ chủ yếu này cũng chưa cao. Có nhiều lí do dẫn tới thực trạng đó, song chúng tôi cho rằng những bất cập trong công tác giáo dục nói chung của gia đình, nhà trường và xã hội hiện nay là lý do chính.

2. Kiến nghị

2.1 Đối với xã hội

- Cần nâng cao chất lượng tuyên truyền giáo dục cho HMNĐ thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng: Truyền hình, đài phát thanh, báo, tạp chí, pano, áp phích

- Tăng cường tổ chức các hoạt động xã hội liên quan tới việc HMNĐ: các buổi hội thảo, hội nghị, ngày hội hiến máu, các buổi chiếu phim HMNĐ, tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ những người bệnh đang thiếu máu.

- Viện huyết học truyền máu trung ương cần phải làm rõ ràng, minh bạch cơ chế truyền máu đến tận tay người bệnh. Xây dựng quy trình, tiêu chuẩn rõ ràng về đối tượng được nhận máu miễn phí để người hiến máu có thể tin tưởng rằng máu của mình được dùng đúng mục đích.

2.2. Đối với nhà trường

- Nhà trường các cấp từ mẫu giáo đến đại học cần tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động xã hội như: Đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc

thương binh liệt sĩ, mùa hè xanh,...Tổ chức các buổi giao lưu với các sinh viên có thành tích hoạt động xã hội xuất sắc, tổ chức giao lưu với đại diện của Viện huyết học truyền máu trung ương nhằm tạo điều kiện cho sinh viên nhận thức sâu sắc về HMNĐ.

- Nhà trường đầu tư nội dung chương trình học, lồng ghép những bài học giáo dục đạo đức, tình cảm xã hội cho học sinh, sinh viên. Nhà trường cần đổi mới phương pháp dạy học các môn học Xã hội Nhân văn: Văn học, Lịch sử,...sao cho nhấn mạnh vào việc giáo dục giá trị yêu thương giữa người với người, đặc biệt là truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc.

- Các thầy cô giáo cần phải là những người đi đầu, nêu cao tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống của dân tộc để học sinh, sinh viên noi theo.

2.3. Đối với sinh viên

- Sinh viên cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc tiếp thu các thông tin về HMNĐ

- Tích cực hơn nữa trong việc vận động tuyên truyền bạn bè, người thân tham gia HMNĐ

- Sinh viên cần tích cực trau dồi tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, cộng đồng và xã hội đặc biệt là tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống của dân tộc để không ngừng nâng cao phẩm chất tốt đẹp “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.G.Kovaliov (1971), Tâm lý học cá nhân tập 1, NXB Giáo dục Hà Nội, Hà Nội
2. Nguyễn Ngọc Bích (1998), Tâm lý học nhân cách, NXB Giáo dục, Hà Nội
3. B.Ph.Lomov (2001), Những vấn đề lí luận và phương pháp luận của Tâm lý học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
4. Nguyễn Văn Đồng (2004), Tâm lý học phát triển, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
5. Phạm Minh Hạc (chủ biên, 1988), Tâm lý học tập 1 và 2, NXB Giáo dục, Hà Nội
6. Phạm Minh Hạc (2003), Một số công trình tâm lý học A.N.Leonchiep, NXB Giáo dục, Hà Nội
7. Vũ Bích Hạnh (2010), Động cơ thành đạt trong học tập của sinh viên khoa Tâm lý học, trường ĐH KHXH& NV, luận văn thạc sỹ
8. Trần Hiệp (1991), Tâm lý học xã hội, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
9. Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam (2010), Tài liệu dành cho tình nguyện viên vận động HMND, NXB Thanh Niên, Hà Nội
10. Hội thanh niên vận động hiến máu Hà Nội (2009), Thông tin cơ bản về HMND, tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội
11. Lê Văn Hồng (chủ biên, 1998), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
12. Lê Khanh (2007), Tập bài giảng tâm lý học nhân cách, khoa Tâm lý học, trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
13. N.A.Leonchiev (1989), Hoạt động- ý thức- nhân cách, NXB Giáo dục, Hà Nội

14. Vũ Tuấn Nam (2007), Động cơ mua bán các chất ma tuý của nạn nhân tại trại giam Z30 cục V26 Bộ Công an, Luận văn thạc sỹ tâm lý học
15. Thế Nam (07/01/2011), Máu cần tiếp cho người khổ, chứ không hẳn là cho người nghèo, website: Dantri.com.vn, link: <http://dantri.com.vn/c7/s7-449350/mau-can-tiep-cho-nguoi-kho-chu-khong-han-la-cho-nguoi-ngheo.htm>
16. Vũ Thị Nho (2004), Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
17. Trần Thị Thìn (2004), Động cơ học tập của sinh viên sư phạm- thực trạng và phương hướng giáo dục, luận văn tiến sĩ tâm lý học.
18. Nguyễn Quang Uẩn (2001), Tâm lý học đại cương, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
19. Nguyễn Khắc Viện (2001), Từ điển tâm lý, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội
20. Viện Huyết học và truyền máu TW (2009), Máu và HMNĐ, NXB ĐHY, Hà Nội
21. J.Piaget (1996), Tuyển tập tâm lý học, NXB Giáo dục Hà Nội, Hà Nội

PHỤ LỤC

Số phiếu:...

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

Các bạn thân mến!

Hiện nay, chúng tôi đang triển khai thực hiện nghiên cứu đề tài: “Động cơ Hiến máu nhân đạo của sinh viên trường Đại học Lao động Xã hội Hà Nội”. Chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các bạn. Xin vui lòng đánh dấu “X” vào những phương án mà bạn cho là phù hợp nhất.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn!

-----***-----

1. Bạn đã hiến máu bao nhiêu lần?

Đây là lần đầu tiên

Hai lần

Ba lần

Bốn lần trở lên

Một lần, sau đó không đi nữa

Tại sao bạn lại hành động như vậy?.....

.....

.....

2. Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của hành động Hiến máu nhân đạo?

Rất quan trọng

Quan trọng

Không quan trọng

Bạn vui lòng cho biết lý do vì sao bạn chọn ý đó.....

.....

3. Sau đây là ý kiến của một số sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của hành động hiến máu nhân đạo đối với bản thân và xã hội. Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng tình của bạn đối với từng ý kiến đó?

Stt	Ý kiến của một số sinh viên	Mức độ đồng tình của bạn				
		Rất đồng tình	Đồng tình	Đồng tình nhiều hơn	Không đồng tình nhiều hơn	Hoàn toàn không đồng tình
1.	Nếu không hiến máu nhân đạo tôi sẽ không có giấy chứng nhận, mà tôi lại rất cần nó					
2.	Nếu không hiến máu nhân đạo thì tôi không khẳng định được trước bạn bè rằng tôi không thua kém gì họ					
3.	Nếu không hiến máu nhân đạo thì tôi không làm người yêu và những người thân khác hài lòng					
4.	Nếu không hiến máu nhân đạo tôi sẽ không được hưởng số tiền bồi dưỡng ăn nhẹ, chi phí đi lại, quà tặng, tổng cộng là 130.000đ cho					

	một lần hiến máu. Trong khi đó ở thời điểm hiện tại tôi rất cần đến nó.					
5.	Tôi hiến máu vì muốn tạo cơ hội được sống cho người mắc bệnh hiểm nghèo đang cần máu					
6.	Nếu không hiến máu nhân đạo tôi không có cơ hội được kiểm tra và tư vấn sức khoẻ miễn phí					
7.	Bây giờ còn khoẻ không đi hiến máu nhân đạo, nhờ khi ốm đau cần đến máu sẽ không có cơ hội được nhận máu miễn phí					

4. Sau đây là một số cảm xúc thường xuất hiện ở một số người hiến máu nhân đạo. Bạn vui lòng cho biết mức độ của từng cảm xúc đó ở bản thân mình?

Stt	Những cảm xúc khác nhau	Mức độ thường xuyên				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thường có nhiều hơn	Thường không có nhiều hơn	Hoàn toàn không có
1.	Rất phấn khởi vì đã làm được một việc mang lại cơ hội sống tiếp cho người mắc bệnh hiểm nghèo mà					

	không đòi hỏi ở họ bất cứ điều kiện gì					
2.	Vui mừng vì nhận được một khoản tiền (130.000đ) vào lúc đang túng bán					
3.	Tự hào vì mình đang nối tiếp truyền thống tốt đẹp “thương người như thể thương thân” của cha ông					
4.	Tự hào vì được bè bạn thừa nhận là người dũng cảm					
5.	Sung sướng vì đã biết làm theo sự giáo dục của cha mẹ và thầy cô từ khi còn nhỏ					
6.	Vui mừng mỗi khi được chia sẻ niềm vui với người bệnh được nhận máu.					

5. Bạn vui lòng cho biết những hành động sau đây đã được bạn thực hiện ở mức độ thường xuyên nào?

Stt	Những hành động	Mức độ thường xuyên thực hiện của bạn				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thường làm nhiều hơn	Thường không làm nhiều hơn	Hoàn toàn không làm

1.	Tìm đọc những tài liệu liên quan đến máu và hiến máu nhân đạo					
2.	Nghe, nhìn trên các phương tiện truyền thông đại chúng những chuyên mục về hiến máu nhân đạo					
3.	Sinh hoạt câu lạc bộ hiến máu nhân đạo					
4.	Trao đổi với bạn bè, người thân xung quanh vấn đề hiến máu nhân đạo					
5.	Giữ gìn sức khoẻ để bản thân luôn đạt tiêu chuẩn được hiến máu nhân đạo					
6.	Vận động bạn bè, người thân tham gia hiến máu nhân đạo					
7.	Tham gia tuyên truyền, cổ động cho phong trào hiến máu nhân đạo					

6. Sau đây là động cơ hiến máu nhân đạo của một số sinh viên khác nhau. Bạn vui lòng cho biết những động cơ nào có ở bạn, những động cơ nào không có ở bạn?

Stt	Những động cơ hiến máu nhân đạo ở các sinh viên khác nhau	Có	Không
1.	Tô điểm thêm (làm đẹp) cho lí lịch cá nhân		
2.	Khẳng định mình không thua kém ai về lòng nhân ái		
3.	Đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của những người thân, của tổ chức Đoàn, Hội về mình		
4.	Vừa được tiếng là người có lòng nhân ái lại vừa có tiền tiêu		
5.	Vì sự sống của những người bệnh đang thiếu máu trầm trọng		
6.	Đề phòng sau này mắc bệnh hiểm nghèo cần đến máu còn có cơ hội được nhận máu miễn phí		

7. Sau đây chúng tôi liệt kê một số biện pháp tuyên truyền cổ động nhằm giáo dục hành vi hiến máu nhân đạo cho mọi người trong đó có sinh viên.

Bạn vui lòng đánh giá tác dụng của từng biện pháp đó đối với bản thân mình bằng cách cho điểm từ 1 đến 5. Trong đó điểm 5 dành cho biện pháp nào bản thân bạn cho rằng mình được giáo dục từ đó nhiều nhất, điểm 1 dành cho biện pháp tuyên truyền nào bản thân bạn cho rằng mình được giáo dục từ đó ít nhất?

Stt	Biện pháp tuyên truyền	Điểm				
		1	2	3	4	5
1.	Qua các kênh truyền hình trung ương					
2.	Qua các kênh truyền hình địa phương nơi bạn sống					
3.	Qua đài phát thanh trung ương					
4.	Qua đài phát thanh địa phương nơi bạn sống					
5.	Tờ rơi, thư mời					
6.	Báo, tạp chí					
7.	Pano, áp phích					
8.	Qua bạn bè, người thân					
9.	Qua các hoạt động do Đội thanh niên tình nguyện vận động hiến máu nhân đạo tổ chức: hội thảo, hội nghị về hiến máu nhân đạo,...					

8. Sau đây là những biện pháp giáo dục và tự giáo dục khác nhau được các gia đình, nhà trường và xã hội thường sử dụng để giáo dục tình cảm và hành vi

đạo đức (đặc biệt là tình cảm “ thương người như thể thương thân”, hành vi “sẵn sàng cứu giúp người khác bị hoạn nạn”) cho con em mình.

Bạn vui lòng đánh giá bản thân mình đã được giáo dục như thế nào (nhiều hay ít) qua từng biện pháp đó bằng cách cho điểm từ 1 đến 5. Trong đó điểm 5 dành cho biện pháp nào bản thân bạn cho rằng mình được giáo dục qua đó nhiều nhất, điểm 1 dành cho biện pháp nào bản thân bạn cho rằng mình được giáo dục qua đó ít nhất?

Stt	Biện pháp giáo dục và tự giáo dục	Điểm				
		1	2	3	4	5
1.	Qua dạy bảo và tấm gương đạo đức của cha mẹ					
2.	Qua nội dung chương trình dạy học từ lớp mẫu giáo đến đại học					
3.	Qua tổ chức của nhà trường (từ mẫu giáo đến đại học) cho học sinh, sinh viên tích cực tham gia các hình thức hoạt động xã hội khác nhau (như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, về nguồn, tình nguyện,...)					
4..	Qua các câu chuyện cổ tích bản thân đã đọc					
5.	Qua tiểu thuyết của các nhà văn lớn bản thân đã đọc					
6.	Qua các hình thức nghệ thuật (tùng, chèo, cải lương, hoà nhạc,...) bản thân đã thưởng thức.					

7.	Qua các biện pháp khác.....					
----	--------------------------------------	--	--	--	--	--

9. Bạn vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố dưới đây đến động cơ hiến máu nhân đạo của bạn?

Stt	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất mạnh mẽ	Mạnh mẽ	Mạnh nhiều hơn yếu	Yếu nhiều hơn mạnh	Hoàn toàn không ảnh hưởng
1.	Ý thức trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng, xã hội					
2.	Muốn khẳng định mình thông qua các hoạt động nhân đạo					
3.	Tình cảm “thương người như thể thương thân” trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc					
4.	Nhận thức sâu sắc sự cần thiết phải cứu lấy sự sống cho người bệnh đang thiếu máu					
5.	Không chịu thua kém bạn bè					
6.	Ý nghĩa của hoạt động hiến máu nhân đạo đối với xã hội					
7.	Giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội					

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho sinh viên)

Câu 1: Bạn đã hiến máu nhân đạo bao nhiêu lần? Tại sao bạn lại hành động như vậy?

Câu 2: Bạn đã vận động bạn bè và người thân trong gia đình mình tham gia hiến máu nhân đạo như thế nào? Số lần bạn vận động đối với một người? Tại sao bạn lại hành động như vậy?

Câu 3: Kết quả sự vận động của bạn?

Câu 4: Bạn hãy phân tích nguyên nhân thành công hoặc thất bại trong sự vận động của mình?

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU
(Dành cho cán bộ Đoàn, Hội)

Câu 1: Để khơi dậy phong trào hiến máu nhân đạo trong sinh viên, Đoàn và Hội sinh viên đã tiến hành những công việc gì trong những năm qua?

Câu 2: Để sinh viên từ chỗ không tham gia phong trào hiến máu nhân đạo đến chỗ tích cực tham gia phong trào này, Đoàn và Hội sinh viên đã tiến hành những biện pháp giáo dục nào? Trong đó những biện pháp nào được coi là chủ yếu?

Câu 3: Theo anh (chị), một sinh viên tích cực tham gia phong trào hiến máu nhân đạo thường xuất phát từ những động cơ nào? Trong số đó động cơ nào được coi là cơ bản nhất?

Câu 4: Trong thời gian tới Đoàn và Hội sinh viên sẽ làm gì để duy trì và đẩy mạnh tính tích cực của sinh viên lên cao hơn nữa trong phong trào hiến máu nhân đạo?

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM

(Dành cho sinh viên là thành viên Đội thanh niên tình nguyện vận động
hiến máu nhân đạo)

Câu 1: Theo các bạn, những động cơ nào đã thúc đẩy mình đi hiến máu nhân đạo? Trong đó động cơ nào là chủ yếu? Tại sao các bạn lại nghĩ như vậy?

Câu 2: Bạn đánh giá như thế nào về việc giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội hiện nay cho con em mình về tình cảm “thương người như thể thương thân” và hành vi “ sẵn sàng giúp đỡ người gặp hoạn nạn, tai ương”? Mặt trái của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng xấu đến việc giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho sinh viên như thế nào?

Câu 4: Theo các bạn những yếu tố nào ảnh hưởng tới hành động hiến máu nhân đạo của sinh viên?

Câu 5: Đề xuất của các bạn nhằm phát triển mạnh hơn nữa phong trào hiến máu nhân đạo của sinh viên?

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHIẾU MÔ TẢ CHÂN DUNG TÂM LÝ

Câu 1: Từ khi còn nhỏ tới nay, gia đình, nhà trường đã giáo dục bạn như thế nào về tình cảm đạo đức “thương người như thể thương thân”, hành vi “ sẵn sàng cứu giúp người hoạn nạn”?

Câu 2: Các hình thức tuyên truyền nào đã ảnh hưởng tích cực tới hành vi hiến máu nhân đạo của bạn? Bạn vui lòng giải thích lí do?

Câu 3: Yếu tố mạnh mẽ nhất ảnh hưởng tới hành vi hiến máu nhân đạo của bạn là gì? Bạn vui lòng giải thích lí do?

Câu 4: Cảm xúc của bạn như thế nào khi tham gia hiến máu nhân đạo?

Câu 5: Bạn có vận động bạn bè, người thân tham gia hiến máu nhân đạo không? Kết quả vận động?

Câu 6: Hiến máu nhân đạo có tầm quan trọng như thế nào đối với bản thân bạn, gia đình và xã hội?